



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 26/2026
Từ 06/7 - 10/7/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

KẾT LUẬN

CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật đã ban hành Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 06/7/2026 về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật chủ trì Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo (Ảnh: TTXVN)

Nội dung Thông báo số 1 nêu rõ: Ngày 22/6/2026, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật (Ban Chỉ đạo) đã chủ trì Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo. Sau khi nghe báo cáo của Đảng ủy Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo (Cơ quan Thường trực), ý kiến của các đồng chí Thường trực Ban Chỉ đạo, các đại biểu tham dự Phiên họp, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo kết luận như sau:

1. Về các văn bản nền tảng hoạt động của Ban Chỉ đạo

Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với các dự thảo: Quy chế làm việc, Quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo, Chương trình công tác năm 2026 với 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, 17 nhiệm vụ cụ thể. Giao Cơ quan Thường trực tiếp thu đầy đủ ý kiến tại Phiên họp, hoàn thiện các dự thảo văn bản, trình ký, ban hành theo thẩm quyền, bảo đảm chặt chẽ, khả thi, rõ chức năng, thẩm quyền, quy trình và cơ chế tổ chức thực hiện.

Ban Chỉ đạo là thiết chế chỉ đạo chiến lược, có đủ thẩm quyền điều phối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát để xử lý vấn đề lớn, khó, liên ngành, liên lĩnh vực và những điểm nghẽn thể chế đang cản trở phát triển hoặc làm giảm hiệu quả thực thi pháp luật; không làm thay, can thiệp vào hoạt động quản lý, điều hành thường xuyên của các cơ quan, bộ, ngành. Từng nhiệm vụ trong Chương trình công tác năm 2026 phải được cụ thể hóa: Rõ việc, rõ người, rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, rõ sản phẩm, tiến độ, trách nhiệm giải trình. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo phải gắn với sản phẩm cuối cùng, tiến độ cụ thể và kết quả đo lường được. Việc cấp bách phải làm ngay; việc dài hạn phải có lộ trình; việc vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ban Chỉ đạo giao đồng chí Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo và Cơ quan Thường trực khẩn trương phối hợp các cơ quan liên quan thành lập Tổ Giúp việc. Tổ Giúp việc phải tinh gọn, chuyên nghiệp, có năng lực tham mưu chính sách, pháp lý, nội chính, tư pháp, quản trị nhà nước và chuyển đổi số; có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất phương án, theo dõi đến cùng kết quả thực hiện.

Ban Chỉ đạo giao Đảng ủy Bộ Tư pháp và Ban Nội chính Trung ương khẩn trương hoàn thiện Quy chế phối hợp, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, thực thi pháp luật và cải cách tư pháp; không để nhiệm vụ cải cách tư pháp bị đứt đoạn, không để xây dựng pháp luật thiếu chiều sâu về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Về Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị

Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với Báo cáo của Đảng ủy Bộ Tài chính về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nhà nước, trong đó tiếp cận kinh tế nhà nước như một chỉnh thể, gồm ngân sách nhà nước, tài sản công, đất đai, tài nguyên, kết cấu hạ tầng, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, vốn nhà nước... theo Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nhưng không phải bằng khẩu hiệu, không dựa vào bao cấp, độc quyền, ưu đãi hành chính hoặc cơ chế xin-cho. Vai trò chủ đạo phải được thể hiện bằng năng lực dẫn dắt, điều tiết, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn, chi phối lĩnh vực then chốt, thiết yếu, chiến lược; đồng thời, tuân thủ kỷ luật thị trường, tài chính, quản trị và trách nhiệm giải trình.

Trọng tâm thời gian tới, cần rà soát tổng thể hệ thống pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước; xác định rõ các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới; nội dung cần xử lý ngay trong năm 2026; nội dung cần chuẩn bị cho việc sửa đổi các luật lớn. Chuyển từ quản lý nguồn lực phân tán sang quản trị thống nhất vòng đời (quy hoạch-phân bổ-giao quản lý, khai thác-sử dụng, hạch toán-giám sát-đánh giá hiệu quả), lấy hiệu quả, giá trị gia tăng và đóng góp phát triển bền vững làm thước đo chủ yếu.

Doanh nghiệp nhà nước cần đột phá trong quản trị theo chuẩn mực hiện đại, minh bạch, cạnh tranh và có cơ chế đánh giá rõ ràng; đi đầu trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển lĩnh vực then chốt, thiết yếu, có tính lan tỏa. Kiên quyết không để tồn tại lợi ích nhóm, sân sau, đầu tư theo nhiệm kỳ, thua lỗ kéo dài mà không rõ chủ thể chịu trách nhiệm.

Ban Chỉ đạo giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo Đảng ủy Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát tổng thể hệ thống pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước theo hướng xác định rõ danh mục các văn bản phải sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới và lộ trình thực hiện; đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển doanh nghiệp nhà nước.

3. Về Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị

Ban Chỉ đạo thống nhất chuyên mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) theo hướng chọn lọc ưu tiên công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, liên kết nội địa, đóng góp vào chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, đào tạo nhân lực, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế.

Ưu đãi đầu tư phải gắn với kết quả thực hiện và cam kết cụ thể về công nghệ, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo lao động Việt Nam, tỉ lệ giá trị gia tăng trong nước, phát triển nhà cung ứng nội địa, bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật. Không ưu đãi dàn trải; không chạy theo số lượng dự án, quy mô vốn đăng ký; không đánh đổi môi trường, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, quốc phòng, an ninh và lợi ích lâu dài để lấy dự án ngắn hạn, có tính lan tỏa thấp.

Hoàn thiện cơ chế lựa chọn, hỗ trợ, quản lý và giám sát nhà đầu tư chiến lược; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà đầu tư chiến lược và Công một cửa đầu tư quốc gia số hóa toàn trình, liên thông dữ liệu, đồng thời, cần thiết lập cơ chế hậu kiểm, thu hồi ưu đãi nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết; tăng cường công tác kiểm soát chuyển giá, gian lận thương mại và các rủi ro về môi trường, dữ liệu, tài chính, quốc phòng, an ninh. Mục tiêu xuyên suốt là để FDI không chỉ đến Việt Nam, mà phải gắn bó, đóng góp thực chất vào năng lực sản xuất, công nghệ, quản trị và dần nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Ban Chỉ đạo giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo khẩn trương ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW; trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm chất lượng, tính cạnh tranh, khả thi và bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc.

4. Về Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa chủ trương của Đảng về xử lý ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn

Ban Chỉ đạo thống nhất nhận định: Ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, nhất là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận là vấn đề nghiêm trọng, cấp bách, có tính liên ngành, liên vùng, liên tỉnh; tác động trực tiếp đến sức khỏe nhân dân, chất lượng sống, năng

suất lao động, sức hấp dẫn đầu tư và uy tín quản trị quốc gia. Đây không chỉ là vấn đề môi trường, mà còn là vấn đề phát triển bền vững, dân sinh và trách nhiệm công vụ.

Thống nhất nhận thức về chuyển đổi từ kiểm soát nguồn thải rời rạc sang quản trị chất lượng không khí theo mục tiêu. Theo đó, cần tập trung vào các trụ cột: Thiết lập cơ chế điều phối liên vùng đủ mạnh; kiểm kê phát thải toàn diện, xác định rõ các nguồn phát thải (công nghiệp, giao thông, xây dựng, nông nghiệp, sinh hoạt) để xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn thải thống nhất; phát triển hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo chất lượng không khí hiện đại, bảo đảm công khai, minh bạch, đáng tin cậy.

Đồng thời, yêu cầu kiểm soát chặt các nguồn phát thải (giao thông, bụi xây dựng, khí thải công nghiệp, đốt rác, đốt phụ phẩm nông nghiệp), đẩy mạnh các giải pháp chiến lược (giao thông xanh, chuyển đổi năng lượng, công nghệ sạch, đô thị phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn) và hoàn thiện chế tài đủ sức răn đe. Quan điểm xuyên suốt là không để người dân sống trong tình trạng ô nhiễm kéo dài mà không xác định rõ trách nhiệm, thời hạn khắc phục và tiêu chí đánh giá kết quả.

Việc xử lý ô nhiễm không khí phải gắn với các giải pháp tổng thể về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, cần đặc biệt chú trọng kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất, nhất là ô nhiễm đất nông nghiệp.

Ban Chỉ đạo giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương liên quan hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí; xác lập chỉ tiêu chất lượng không khí bắt buộc đối với từng vùng, từng đô thị, từng giai đoạn; gắn kết quả cải thiện không khí với trách nhiệm của chính quyền địa phương, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

5. Về Báo cáo về tình hình và giải pháp rà soát, sửa đổi, ban hành, bãi bỏ các quy định pháp luật để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong năm 2026

Ban Chỉ đạo đánh giá cao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai quyết liệt đợt cao điểm phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh. Kết quả bước đầu rất rõ nét, trong vòng 1 tháng, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp bộ giảm còn 27,4%; dự kiến tiết kiệm khoảng 23 nghìn tỉ đồng chi phí tuân thủ mỗi năm; bãi bỏ, sửa đổi 70 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; phân cấp 362 thủ tục, cắt giảm 697 thủ tục, đơn giản hóa 673 thủ tục, cắt giảm 1.754 điều kiện kinh doanh; thời gian thực hiện thủ tục giảm 53%, chi phí tuân thủ giảm 54,6%.

Đây là những con số đáng ghi nhận, thể hiện quyết tâm chính trị cao, cách làm quyết liệt, có trọng tâm. Tuy nhiên, cải cách thủ tục hành chính không nên chỉ dừng ở chiến dịch và thống kê số lượng thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa. Điều căn bản là người dân, doanh nghiệp thật sự được thụ hưởng những lợi ích thiết thực như giảm thời gian, tiết kiệm chi phí, mở rộng cơ hội phát triển; đồng thời, các biểu hiện tùy nghi, xin-cho, những nhiễu, tiêu cực phải thực sự được đẩy lùi.

Ban Chỉ đạo đề nghị các bộ, ngành, địa phương xác định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Kiểm soát chặt việc ban hành mới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; chỉ ban hành khi thật sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý, chi phí tuân thủ thấp hơn lợi ích quản lý mang lại và không có giải pháp nào tối ưu hơn. Kiên quyết không để tình trạng thủ tục hành chính cắt giảm ở văn bản này, nhưng phát sinh điều kiện, giấy phép, yêu cầu mới ở văn bản khác hoặc trong tổ chức thực hiện.

Ban Chỉ đạo yêu cầu chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro; từ quản lý bằng giấy phép sang quản lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn, dữ liệu số, trách nhiệm giải trình và công tác thanh tra, kiểm tra. Các địa phương được phân cấp phải có đủ điều kiện, nguồn lực, nhân lực, dữ liệu để thực hiện; không phân cấp hình thức, không tự đặt thêm thủ tục, thành phần hồ sơ, quy trình ngoài quy định. Các bộ, ngành khẩn trương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm có hiệu lực đúng thời hạn theo quy định; định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và những trường hợp chậm trễ, né tránh.

6. Về việc nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự và các luật liên quan

Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với sự cần thiết nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự và các luật quan trọng khác liên quan. Việc sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự cần được thực hiện đồng bộ với quá trình nghiên cứu, sửa đổi Bộ luật Hình sự và các luật liên quan, đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách tư pháp, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và khơi thông nguồn lực phát triển. Không tiếp cận sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự chỉ như sửa đổi một số thủ tục mang tính kỹ thuật, mà phải hoàn thiện dựa trên các nguyên tắc nền tảng của pháp luật hiện đại: Công bằng, công khai, minh bạch, hiệu quả, nhân văn.

Ban Chỉ đạo giao Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng ủy Công an Trung ương và các cơ quan có liên quan khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ dự án Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi), Bộ luật Hình sự (sửa đổi); trình Quốc hội cho ý kiến bước đầu về các chính sách lớn tại Kỳ họp chuyên đề trong tháng 8/2026. Trong quá trình xây dựng, đối với những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc, thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến; đối với những nội dung đã thống nhất, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội bảo đảm đúng tiến độ.

7. Về tổ chức thực hiện sau Phiên họp

Ngay sau Phiên họp, đề nghị các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo, các cấp ủy, tổ chức Đảng tập trung thực hiện 3 nhiệm vụ trọng tâm: **(1)** Sớm hoàn thành và vận hành hiệu quả cơ chế làm việc của Ban Chỉ đạo, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đặc biệt là giữa Đảng ủy Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo và Ban Nội chính Trung ương. **(2)** Chuẩn bị tốt các dự án luật, nghị quyết, đề án lớn xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư để trình Quốc hội; khắc phục tình trạng chậm, nợ văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. **(3)** Tạo chuyển

biến mạnh mẽ trong cắt giảm thủ tục hành chính, tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, hoàn thiện pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm đã thảo luận tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan sớm đề xuất phương án báo cáo Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện đến hết năm 2027 đối với Nghị quyết số 206/2025/QH15, ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng có đủ thời gian hoàn thiện các dự án luật liên quan.

Đảng ủy các bộ, ngành, tỉnh ủy, thành ủy thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của những chính sách, pháp luật đã ban hành, nhất là các chính sách, pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, xác định những khó khăn, vướng mắc để đề xuất các giải pháp khắc phục. Các tỉnh ủy, thành ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật tại địa phương.

Cơ quan Thường trực xây dựng kế hoạch theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận Phiên họp; định kỳ báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo những việc đã hoàn thành, những việc chậm, việc khó, việc vượt thẩm quyền, việc cần kịp thời tháo gỡ. Không giao việc bằng khẩu hiệu; không chấp nhận tình trạng “đã triển khai”, “đang nghiên cứu”, “đã quán triệt” nhưng không xác định được sản phẩm, văn bản đã ban hành, thủ tục đã cắt giảm, xung đột pháp luật được xử lý và trách nhiệm của người đứng đầu.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÊ MINH HƯNG: THI ĐUA, KHEN THƯỞNG PHẢI BÁM SÁT HƠI THỞ CUỘC SỐNG, GẮN CHẶT VỚI NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ CỤ THỂ

Chiều ngày 06/7/2026, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ trì phiên họp lần thứ hai của Hội đồng nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Vừa bảo đảm tính liên tục, vừa có những chuyển biến tích cực

Phát biểu chỉ đạo phiên họp, Thủ tướng Lê Minh Hưng nêu rõ, với các mục tiêu phát triển đất nước cho cả nhiệm kỳ, đặc biệt là trong năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, khối lượng công việc rất nặng nề và bên cạnh những kết quả tích cực, bước đầu đã đạt được, vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức đặt ra.

Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng, thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước bảo đảm đổi mới, sáng tạo, hiệu quả, thực chất hơn nữa trên toàn quốc và các ngành, các cấp, nhất là các lực lượng trực tiếp tham gia các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã

hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra, đóng góp, lan tỏa vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm tăng trưởng 2 con số.

Thủ tướng đề nghị các đại biểu đánh giá đúng, nhìn nhận khách quan, toàn diện kết quả công tác thi đua khen thưởng 6 tháng đầu năm 2026; thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế; thống nhất nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới, đề xuất cơ chế, phương thức để đổi mới và nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, bảo đảm tiêu chí “đúng và trúng”, xứng đáng với những đóng góp và sự cống hiến, bảo đảm yêu cầu “kịp thời, công khai, minh bạch, thực chất, tránh hình thức” và hướng đến cơ sở, những chủ thể là người lao động trực tiếp, các mô hình đổi mới sáng tạo, các hạt nhân lan tỏa...

Tại phiên họp, Hội đồng thống nhất nhận định, trong 6 tháng đầu năm, công tác thi đua, khen thưởng vừa bảo đảm tính liên tục, vừa có những chuyển biến tích cực, bám sát các mục tiêu chiến lược theo Nghị quyết và chương trình hành động Đại hội XIV của Đảng. Hội đồng đã chủ động, kịp thời tham mưu, thể chế hóa các chủ trương của Đảng về thi đua, khen thưởng trong giai đoạn phát triển mới, nhất là đã trình Quốc hội thông qua Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi.

Các cấp, các ngành, các địa phương đã chủ động phát động và triển khai các phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, tập trung giải quyết dứt điểm những việc khó, việc khó, việc cấp bách phát sinh, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Ngày 23/04/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15 phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 5 năm (2026 - 2030) theo Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Ngày 13/6/2026, Thủ tướng Chính phủ đã phát động phong trào thi đua “Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững 2 con số” giai đoạn 2026 - 2030. Ngày 01/7/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1181 về Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua tăng trưởng 02 con số đến các bộ, ban, ngành, các địa phương trong cả nước.

Công tác tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tạo nhiều chuyển biến rõ nét. Công tác khen thưởng có nhiều đổi mới. Việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ngày càng đi vào thực chất, kịp thời động viên các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và đột xuất.

Thi đua chỉ thực chất nếu xuất phát từ cơ sở, bắt nguồn từ cơ sở

Kết luận phiên họp, cơ bản thống nhất với nội dung báo cáo và ý kiến phát biểu, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hung, Chủ tịch Hội đồng đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và những đóng góp tích cực của các thành viên Hội đồng; ghi nhận, biểu dương các cấp, các ngành, các địa phương, người dân, doanh nghiệp đã tích cực hưởng ứng, triển khai các phong trào thi đua, công tác khen thưởng, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển chung và góp phần quan trọng vào những kết quả tích cực của đất nước trong thời gian qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chỉ rõ những tồn tại, hạn chế. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm, coi trọng công tác thi đua khen thưởng; nhiều nơi trông chờ, ỷ lại vào hướng dẫn của cấp trên trong triển khai.

Một số phong trào thi đua còn nặng về hình thức, chưa bám sát gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ của ngành, của địa phương. Nhiều địa phương, nhiều ngành chưa quan tâm những mô hình mới, cách làm hay, có tác động lan tỏa. Còn tình trạng nể nang, bệnh thành tích trong khen thưởng.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong thi đua, khen thưởng chưa có nhiều đổi mới; cơ sở dữ liệu trên Hệ thống Quản lý thi đua, khen thưởng toàn quốc còn hạn chế, chưa đồng bộ.

Thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ đề nghị tập trung thực hiện tốt các nhóm nhiệm vụ trọng tâm.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế về thi đua, khen thưởng đồng bộ, hiệu quả, nhất là tập trung tuyên truyền, phổ biến các quy định mới của Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành đúng tiến độ. Kịp thời kiện toàn tổ chức Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp với điều kiện, năng lực của cơ sở, chú trọng kiểm tra, giám sát để phòng tránh tiêu cực.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng lưu ý, phát huy vai trò của từng thành viên Hội đồng, nhất là trong việc rà soát, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua tại các cụm, khối thi đua được phân công phụ trách; kịp thời phát hiện các mô hình hay, cách làm tốt để đề xuất khen thưởng, cũng như những vướng mắc tại địa phương để tham mưu cho Hội đồng giải quyết.

Thứ hai, các cấp, các ngành, các địa phương chủ động triển khai, phát động các phong trào thi đua thực chất, sát thực tiễn, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tạo đột phá để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu phong trào thi đua, công tác khen thưởng phải bám sát hơi thở cuộc sống, gắn với việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, có tính định lượng, kết quả, sản phẩm đầu ra rõ ràng, kết quả cuối cùng là đóng góp cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Trong đó, tập trung cụ thể hóa phong trào thi đua về tăng trưởng "2 con số", các bộ, ngành, địa phương phải khẩn trương ban hành chương trình hành động với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể, thiết thực để triển khai thực hiện.

Cùng với đó, đổi mới công tác khen thưởng theo hướng thực chất, hướng mạnh về cơ sở, ưu tiên người lao động trực tiếp, nhà khoa học, doanh nghiệp... có mô hình hay, đột phá, lan tỏa cao.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cho rằng, tất cả các phong trào thi đua chỉ thực chất nếu xuất phát từ cơ sở, bắt nguồn từ cơ sở và lấy đó là một trong những động lực để thúc đẩy phát triển, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ của ngành mình, của địa phương mình.

Gợi mở một số định hướng trọng tâm, ưu tiên thời gian tới trong công tác thi đua - khen thưởng, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân mạnh mẽ một số chỉ tiêu, nhiệm vụ rất quan trọng như kết quả tăng trưởng GRDP, thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án trọng điểm quốc gia; xử lý các dự án ách tắc, tồn đọng; hoàn thiện thể chế, pháp luật; đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là phát triển hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu, các sản phẩm công nghệ chiến lược phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực...

Đi sâu phân tích một số ví dụ cụ thể trên các lĩnh vực, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đặt vấn đề cần quan tâm hơn nữa việc tôn vinh, khen thưởng những điển hình tiên tiến ở cấp cơ sở, góp phần vào những kết quả trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, giải phóng mặt bằng cho triển khai các dự án trọng điểm quốc gia.

Cùng với đó, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cho rằng vừa qua, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành đã tập trung giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, trong khi việc tổ chức thực hiện là ở địa phương; do đó cần mạnh dạn khen thưởng những địa phương đã giải quyết triệt để, tháo gỡ được những khó khăn, điểm nghẽn, đưa những dự án tồn đọng trở lại hoạt động phục vụ cho tăng trưởng.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cũng đề cập tới những đóng góp rất quý báu, tâm huyết của các lực lượng, người dân, doanh nghiệp, các tổ chức trong Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập hài cốt và xác định danh tính liệt sĩ; cũng như vừa qua quân đội, công an đã triển khai rất nhanh chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về đưa lực lượng sang Venezuela tham gia cứu hộ động đất...

Cùng với đó là những điển hình tốt, cách làm hay trong xây dựng các trường bán trú tại các xã biên giới; bảo đảm cung ứng điện, xăng dầu trong điều kiện hết sức khó khăn; tham gia xây dựng khung kiến trúc tổng thể quốc gia số... Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, cần kịp thời khen thưởng những nơi xử lý được những điểm nóng từ sớm, từ xa, từ cơ sở, vận động người dân đồng tình, ủng hộ để phục vụ tăng trưởng và triển khai những dự án lớn...

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong thi đua khen thưởng, nhất là cải tiến phương thức đánh giá thi đua. Việc chấm điểm, bình xét thi đua phải dựa trên dữ liệu thực, quy trình đánh giá khen thưởng phải khách quan, minh bạch, giảm thiểu tối đa thủ tục hành chính giấy tờ. Thủ tướng giao Thường trực Hội đồng phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng ngay Bộ chỉ số đánh giá thi đua hiện đại, theo thời gian thực, có chỉ số đo lường cụ thể.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng tin tưởng những nhiệm vụ, giải pháp được thống nhất tại phiên họp sẽ tạo ra những chuyển biến tích cực, đưa thi đua, khen thưởng tiếp tục trở thành nguồn động lực to lớn, huy động sức mạnh, sự đoàn kết, thống nhất, quyết tâm, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược phát triển đất nước.

Nguồn: baohinhphu.vn

THÔNG QUA NGUYÊN TẮC PHÁP LỆNH VỀ THỦ TỤC ĐƯA NGƯỜI TỪ ĐỦ 12 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI ĐI CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Tại phiên họp thứ 4 diễn ra vào ngày 8/7/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án Pháp lệnh Trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc.

Trình bày tờ trình, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao Nguyễn Văn Quảng cho biết, dự thảo Pháp lệnh được xây dựng nhằm bảo đảm phù hợp với Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, đồng thời đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết vụ việc.

Dự thảo bổ sung quy định về gửi, giao, nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu bằng phương tiện điện tử; sửa đổi trình tự, thủ tục phiên họp theo hướng giao thẩm phán chủ động điều hành việc hỏi, tranh luận phù hợp với từng vụ việc. Dự thảo cũng rút ngắn thời hạn tòa án xem xét, quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc từ 15 ngày xuống 10 ngày, trường hợp phức tạp từ 30 ngày xuống 20 ngày; quy định tại phiên họp có tính chất sơ thẩm, nếu kiểm sát viên vắng mặt thì tòa án không phải hoãn phiên họp.

Thẩm tra dự án Pháp lệnh, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp tán thành sự cần thiết ban hành Pháp lệnh mới để sửa đổi toàn diện Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15. Cơ quan thẩm tra cho rằng dự thảo cơ bản phù hợp với Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất với Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 và các luật có liên quan; hồ sơ đủ điều kiện trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Ủy ban Pháp luật và Tư pháp đề nghị Tòa án nhân dân Tối cao tiếp tục rà soát kỹ các quy định về người bị đề nghị có nơi cư trú ổn định và không có nơi cư trú ổn định; bổ sung trường hợp đình chỉ khi hết thời hiệu áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc; phân tách rõ việc gửi quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực để thực hiện quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị với việc gửi quyết định đã có hiệu lực để thi hành. Cơ quan thẩm tra cũng đề nghị tiếp tục rà soát điều khoản chuyển tiếp, bảo đảm đồng bộ giữa thời điểm Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và thời điểm Pháp lệnh dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/8/2026.

Đối với quy định về phương thức điện tử trong gửi, giao, nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu, cơ quan thẩm tra tán thành nhưng đề nghị làm rõ yêu cầu thu thập, khai thác, chia sẻ, lưu trữ dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền, bảo đảm an toàn thông tin, nhất là dữ liệu cá nhân của người chưa thành niên.

Kết luận nội dung này, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Khắc Định nêu rõ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với sự cần thiết ban hành Pháp lệnh mới, cơ bản tán thành các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự thảo. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Tòa án nhân

dân Tối cao phối hợp với Ủy ban Pháp luật và Tư pháp cùng các cơ quan liên quan tiếp thu tối đa ý kiến tại phiên họp, tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

Phó Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh một số nội dung cần thể hiện rõ, gồm: Bổ sung quy định về gửi, giao, nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu bằng phương thức điện tử gắn với số hóa hồ sơ và bảo mật thông tin; bổ sung trường hợp đình chỉ khi hết thời hiệu; giữ quy định phòng họp thân thiện, an toàn; bảo đảm thẩm phán chủ động, linh hoạt trong điều hành phiên họp; quy định phù hợp về sự có mặt của Kiểm sát viên tại phiên họp sơ thẩm và phúc thẩm; tiếp tục rà soát câu chữ, kỹ thuật văn bản và tính thống nhất với các luật liên quan.

Nguồn: quochoi.vn

THÁO GỠ KHÓ KHĂN TRONG VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP, ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN

Sáng ngày 09/7/2026, Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026 của ngành Nội vụ. Đồng chí Đỗ Thanh Bình, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Bí thư Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì Hội nghị.

Trong 6 tháng đầu năm, toàn ngành Nội vụ đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ được giao, bám sát các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, đồng thời cụ thể hóa 10 nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị thuộc phạm vi quản lý của ngành.

Một trong những kết quả nổi bật là tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI (2026-2031), giữ ổn định với 14 bộ và 3 cơ quan ngang bộ.

Đến nay, các bộ, cơ quan ngang bộ đã giảm 41/142 phòng thuộc vụ (28,9%) và giảm 55/678 đơn vị sự nghiệp công lập (8,1%) so với thời điểm cuối tháng 9/2025.

Đối với việc phân cấp, phân quyền, trên cơ sở 30 nghị định chuyên đề, các bộ, ngành đã xác định 85 văn bản với 573 nhiệm vụ, quyền hạn cần điều chỉnh; đến nay đã sửa đổi được 47 văn bản, đạt 55,29%.

Kết quả đánh giá cho thấy có 1.377 nhiệm vụ được phân cấp cho địa phương, đạt tỉ lệ 68,9%; đồng thời 1.164 nhiệm vụ của cấp huyện trước đây đã được rà soát, chuyển giao cho cấp xã, đạt 73,8%.

Công tác xây dựng chính quyền địa phương tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Bộ Nội vụ đã tham mưu tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; kịp thời trình phê chuẩn kết quả bầu Chủ

tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố. Sau một năm vận hành, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp cơ bản ổn định, thông suốt, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp.

Cùng với đó, công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ. Bộ Nội vụ đã tham mưu ban hành nhiều văn bản hoàn thiện thể chế, đồng thời triển khai Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2026-2031; hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức và xây dựng hệ thống học liệu số dùng chung trên nền tảng “Bình dân học vụ số”. Qua đánh giá bước đầu, đội ngũ cán bộ cấp xã cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh toàn diện. Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) đạt 83,09%; Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) trung bình của các bộ, ngành đạt 87,2%, còn của các tỉnh, thành phố đạt 89,96% - mức cao nhất từ trước đến nay. Bộ cũng đã ban hành mới 46 thủ tục hành chính, sửa đổi 114 thủ tục và bãi bỏ 79 thủ tục; lũy kế từ năm 2025 đã giảm 51,55% thời gian giải quyết và gần 60% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Trong lĩnh vực tiền lương và an sinh xã hội, từ ngày 1/7/2026, hơn 2 triệu cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được điều chỉnh tăng lương cơ sở thêm 8%; mức lương tối thiểu vùng tăng bình quân 7,2% từ đầu năm. Ước tính 6 tháng đầu năm, số người tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 21,7 triệu người, tăng 14,48% so với cùng kỳ, trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện tăng hơn 40%.

Bộ Nội vụ cũng đã tổ chức khai trương Sàn giao dịch việc làm quốc gia trên nền tảng số, kết nối hơn 53,6 triệu lao động với doanh nghiệp. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp tiếp tục phát huy hiệu quả.

Đối với lĩnh vực lao động ngoài nước, trong 6 tháng đầu năm 2026, cả nước có 66.311 lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt 59,2% kế hoạch năm.

Công tác người có công tiếp tục được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Bộ đã tham mưu tổ chức 2 đợt tặng quà Tết cho khoảng 1,6 triệu người có công và thân nhân với kinh phí hơn 1,1 nghìn tỷ đồng; đồng thời triển khai mạnh mẽ “Chiến dịch 500 ngày đêm”, hướng tới mục tiêu quy tập khoảng 7.000 hài cốt liệt sĩ và giám định ADN khoảng 18.000 mẫu gen. Các lĩnh vực công tác thuộc lĩnh vực nội vụ tiếp tục được quan tâm, triển khai nền nếp, đúng quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội nghị cũng thẳng thắn nhìn nhận một số tồn tại như việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vẫn còn lúng túng do là mô hình mới, chưa có tiền lệ; chất lượng nguồn nhân lực, nhất là ở cấp xã, chưa đồng đều; tiến độ xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu còn chậm; công tác dự báo, phản ứng chính sách có thời điểm chưa đáp ứng yêu cầu...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Thanh Bình đánh giá cao nỗ lực của toàn ngành trong bối cảnh phải xử lý khối lượng công việc rất lớn với nhiều nhiệm vụ mới, khó và chưa có tiền lệ. Dẫn chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Hội nghị Chính phủ với các địa phương, Bộ trưởng nhấn mạnh yêu cầu “để thể chế không còn là điểm nghẽn”.

Theo Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình, toàn ngành Nội vụ đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ trong bối cảnh khối lượng công việc rất lớn trong 06 tháng đầu năm 2026.

Chia sẻ cùng khối lượng công việc thực tế tại địa phương, Bộ trưởng cho rằng công việc của ngành Nội vụ là rất lớn, với tính chất phức tạp, quan trọng, yêu cầu cao và đòi hỏi phải xử lý rất nhanh. Thực tế, nhiều nhiệm vụ của Bộ, ngành có yêu cầu thời gian rất gấp rút, do đó, cần tăng cường sự phối hợp giữa Bộ và Sở.

Sau Hội nghị, Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình yêu cầu các cục, vụ thuộc Bộ không chỉ trao đổi trực tiếp mà phải có văn bản hướng dẫn, hỗ trợ cho địa phương, làm rõ thẩm quyền của Bộ và của tỉnh. Mục tiêu là để công việc từ Bộ xuống địa phương đều trôi chảy, không vướng, không chồng chéo, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra trong 06 tháng cuối năm 2026.

Trên cơ sở kết quả đạt được, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình đề nghị các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và lãnh đạo Sở Nội vụ 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tập trung quán triệt các chủ trương, đặc biệt là cần nhanh chóng cập nhật các chỉ đạo của Trung ương, của Chính phủ và của Bộ, ngành Nội vụ; tiếp tục hoàn thiện công tác xây dựng thể chế; tập trung cao vào công tác đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực tế.

Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình lưu ý tới công tác triển khai các giải pháp nâng cao hoạt động của Bộ, ngành và tiếp tục đẩy mạnh quán triệt các Kết luận số 64-KL/TW, Kết luận số 18-KL/TW của Bộ Chính trị,... Đặc biệt, các địa phương cần rà soát, đánh giá kỹ lưỡng bộ máy và công tác phân cấp, phân quyền tại cơ sở; tham mưu công tác sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, sắp xếp nhân sự đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

Xác định về nhiệm vụ thời gian tới, Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình yêu cầu toàn ngành Nội vụ cần đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số để phát triển và khai thác hiệu quả các dữ liệu trên nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

Theo kế hoạch, Bộ Nội vụ sẽ cơ bản hoàn thành các cơ sở dữ liệu trong tháng 8 và đưa vào vận hành trong tháng 9 theo yêu cầu của Chính phủ. Các địa phương cần khẩn trương rà soát, chuẩn hóa, kết nối dữ liệu để bảo đảm đồng bộ trên toàn quốc, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình cũng đề nghị các tỉnh, thành phố cần nắm chắc, nắm rõ tình hình lao động, việc làm, đào tạo nghề tại địa phương mình để có chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với thị trường lao động; quan tâm, thực hiện tốt các chính sách về việc làm, bảo hiểm xã hội, người có công, đặc biệt là các hoạt động hướng tới kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Ngoài ra, Bộ trưởng Bộ Nội vụ nhấn mạnh tới công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ, khẩn trương cụ thể hóa thể chế thành kế hoạch triển khai rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm đầu ra và có tiến độ nhiệm vụ cụ thể; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là kịp thời phát hiện và xác định các khó khăn, vướng mắc trước mắt để có giải pháp phù hợp.

Trước khối lượng công việc rất lớn trong những tháng cuối năm 2026, với tinh thần quyết tâm, Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình đề nghị toàn thể cán bộ, công chức, viên chức ngành Nội vụ

tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, trách nhiệm, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, nêu cao tinh thần dám nghĩ, dám làm để hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

Trung Kiên - Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

TIẾP TỤC TỈNH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY BÊN TRONG CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Kết luận số 210-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP về chương trình hành động thực hiện nghị quyết này, trong đó yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục rà soát, tinh gọn tổ chức bộ máy.

Đánh giá của Bộ Nội vụ cho thấy, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, quản lý biên chế và sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập đã đạt nhiều kết quả tích cực, tạo chuyển biến rõ rệt; thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành; bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống chính trị và tăng cường niềm tin, sự đồng thuận của nhân dân đối với chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương tiếp tục tập trung cao độ để thực hiện các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; ban hành kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ thực hiện với phương châm: “6 rõ”, bảo đảm một việc chỉ giao một cơ quan, đơn vị, đầu mối quản lý và chịu trách nhiệm; thực hiện rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm sau sắp xếp các đơn vị sự nghiệp hoạt động hiệu quả, đáp ứng đầy đủ, kịp thời dịch vụ sự nghiệp công cho người dân.

Bộ Nội vụ cho biết tính đến giữa tháng 6/2026 đã thẩm định dự thảo nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 12 bộ, cơ quan ngang bộ khóa XVI và đang thẩm định, đôn đốc các cơ quan còn lại.

Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới, các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục đề xuất sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong.

Theo phương án đề xuất, giảm 41/142 phòng thuộc vụ (tương ứng giảm 28,9%). Các bộ, cơ quan ngang bộ cũng đang tiếp tục rà soát, giảm số lượng phòng, chi cục thuộc cục, văn phòng thuộc thẩm quyền quản lý theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ.

Ngoài ra, các bộ, ngành tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và chỉ đạo, định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng

kết Nghị quyết số 18-NQ/TW. Tính đến ngày 18/5/2026, các bộ, cơ quan ngang bộ giảm 55 trong tổng số 678 đơn vị sự nghiệp công lập bên trong (gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cục, văn phòng của bộ, cơ quan ngang bộ) so với thời điểm 30/9/2025 (tương ứng giảm 8,1%).

Đối với địa phương, các cơ quan chuyên môn tiếp tục được sắp xếp theo hướng tinh gọn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong nền hành chính.

Từ đầu năm 2025 đến ngày 18/5/2026, trên cả nước đã giảm 709 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh (giảm 60,3%), giảm 8.289 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện (giảm 100%).

Đến ngày 18/5/2026, cả nước có 467 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh (gồm 12 cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở 34 tỉnh, thành phố và 59 cơ quan chuyên môn đặc thù ở một số địa phương); 10.066 phòng chuyên môn cấp xã tại các xã, phường, đặc khu.

Đối với mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công, có 3.189 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tại 33/34 địa phương; riêng thành phố Hà Nội tổ chức một Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

Theo Bộ Nội vụ, việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đã được bộ, ngành, địa phương thực hiện trên cơ sở chủ trương, định hướng của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giúp tinh gọn đầu mối, giảm cấp trung gian, khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Vì vậy, sau khi sắp xếp, tổ chức lại, đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu đã phát huy được vai trò chủ đạo trong cung cấp dịch vụ công, cải thiện chất lượng dịch vụ sự nghiệp công phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Ở Trung ương, đối với bộ, ngành tiếp tục tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, thuộc các đơn vị trực thuộc bộ và đẩy mạnh việc thực hiện tự chủ theo yêu cầu Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Sau khi sắp xếp, bảo đảm bộ máy đi vào hoạt động ổn định, thông suốt, liên tục, hiệu quả từ ngày 1/3/2025, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành cơ bản đã được xác định mức độ tự chủ với 323/782 đơn vị tự chủ tài chính (nhóm 1, nhóm 2), tương ứng tỷ lệ 41,3%.

Đối với các địa phương, sau khi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động ổn định từ ngày 1/7/2025, tổ chức bộ máy và nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp có nhiều thay đổi.

Đồng thời, các địa phương tiếp tục sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo định hướng tại Nghị quyết số 105/NQ-CP đối với từng ngành, lĩnh vực như giáo dục, y tế, nông nghiệp, xây dựng, văn hóa.

Việc sắp xếp cũng được thực hiện theo từng cấp quản lý. Việc thực hiện tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương đang tiếp tục được rà soát, xây dựng, phê duyệt, trong đó nhà nước bảo đảm hoặc hỗ trợ các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết

yếu cho người dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ở những nơi có điều kiện.

Nguồn: vietnamplus.vn

GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ NGHỈ VIỆC DO SẮP XẾP

Bộ Nội vụ vừa có Công văn số 7031/BNV-TCBC gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

Theo Bộ Nội vụ, việc thực hiện trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà tại Văn bản số 6435/VPCP-TCCV ngày 03/7/2026 của Văn phòng Chính phủ về giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; đồng thời căn cứ các quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế.

Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng chịu tác động trực tiếp của việc sắp xếp thôn, tổ dân phố, Bộ Nội vụ đề nghị các địa phương thực hiện việc giải quyết chính sách theo đúng quy định của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Các địa phương có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện và gửi báo cáo về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trước ngày 30/7/2026 để theo dõi, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Đối với các trường hợp nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đề nghị các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách để chủ động ban hành chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương theo thẩm quyền.

Đồng thời, các địa phương cũng được đề nghị báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp; trong đó số liệu dự kiến cần được gửi trước ngày 30/7/2026.

Việc giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại nhằm bảo đảm quyền lợi của các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp trong quá trình sắp xếp đơn vị ở cơ sở, đồng thời tạo điều kiện để các địa phương triển khai đồng bộ các quy định mới về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Phương Nhung - Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, SIẾT CHẶT KỶ CƯƠNG VÀ TRUY VẾT TRÁCH NHIỆM BẰNG KPI

Bộ trưởng Bộ Tài chính vừa ký Quyết định số 1789/QĐ-BTC ban hành Quy chế làm việc của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 6/7/2026, thay thế Quyết định số 1018/QĐ-BTC ngày 14/3/2025.

Thượng tôn pháp luật và giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ

Theo quy chế, mọi hoạt động của Bộ Tài chính phải tuyệt đối tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và sự thống nhất quản lý của Chính phủ, dưới sự điều hành trực tiếp của Bộ trưởng. Cơ quan thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo, phân công của cấp trên. Tuy nhiên, cơ chế này không làm giảm vai trò của cá nhân; ngược lại, quy chế yêu cầu phát huy mạnh mẽ trách nhiệm của tập thể gắn chặt với trách nhiệm của từng cá nhân trong việc thực thi công vụ.

Bộ Tài chính làm việc theo chế độ thủ trưởng nhằm bảo đảm tính thống nhất, thông suốt và hiệu quả. Nguyên tắc cốt lõi trong phân công lao động là “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời hạn và rõ kết quả”. Điều này đồng nghĩa với việc xóa bỏ hoàn toàn tình trạng đùn đẩy hoặc bỏ trống địa bàn quản lý.

Cá thể hóa trách nhiệm, chấm dứt tình trạng chồng chéo

Nhằm tối ưu hóa hiệu suất, quy chế quy định một đơn vị có thể được giao nhiều việc, nhưng mỗi đầu việc cụ thể chỉ giao cho một đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Đơn vị chủ trì chủ động tổ chức thực hiện, tổng hợp ý kiến, chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ; các đơn vị phối hợp tham gia trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp.

Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị. Các đơn vị phối hợp có trách nhiệm tham gia trong phạm vi chuyên môn và chịu trách nhiệm về nội dung góp ý của mình.

Đối với đội ngũ công chức, viên chức và người lao động, Bộ Tài chính yêu cầu tinh thần chủ động cao độ. Quy chế nghiêm cấm các hành vi né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc tự ý chuyển giao công việc thuộc thẩm quyền của mình cho đơn vị khác, cũng như cấm việc trình lên cấp trên khi bản thân chưa thực hiện đầy đủ các bước xử lý theo quy định. Mọi nhiệm vụ phải được hoàn thành nhanh chóng, chính xác và đúng thời hạn.

Số hóa điều hành, chấm điểm KPI để đánh giá cán bộ

Điểm nhấn mang tính đột phá trong quy chế lần này là việc chuyển đổi phương thức điều hành dựa trên nền tảng dữ liệu số thống nhất. Tất cả tiến độ, trạng thái xử lý hồ sơ, cùng trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ lên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử của Bộ Tài chính.

Dữ liệu trên hệ thống này không chỉ dùng để theo dõi mà sẽ là căn cứ pháp lý duy nhất để đôn đốc, phát đi các cảnh báo chậm tiến độ, đồng thời truy vết trách nhiệm công vụ. Bộ Tài chính sẽ áp dụng cơ chế chấm điểm KPI tự động từ hệ thống để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại chất lượng nhân sự hằng năm và xét thi đua, khen thưởng. Việc đánh giá này cam kết đi vào thực chất, dựa trên chất lượng, hiệu quả đầu ra và tiến độ thực tế, kiên quyết loại bỏ việc đánh giá hình thức, cảm tính hoặc thuần túy theo quy trình kỹ thuật.

Hiện đại hóa hành chính và chuyển đổi số toàn diện

Song song với việc quản trị nội bộ, Bộ Tài chính đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thông qua ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quy chế khuyến khích tối đa việc xử lý hồ sơ trên môi trường mạng và áp dụng chữ ký số cá nhân để phê duyệt văn bản điện tử nhằm rút ngắn thời gian xử lý công việc. Mục tiêu dài hạn là xây dựng một nền hành chính tài chính dân chủ, hiện đại, kiến tạo môi trường kinh doanh và thủ tục thông thoáng, thuận lợi nhất cho người dân cũng như cộng đồng doanh nghiệp.

Đồng thời, sự phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Tài chính cũng được tăng cường nhằm bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán trong chỉ đạo điều hành, củng cố khối đoàn kết nội bộ và khơi dậy năng lực sáng tạo của người lao động.

Siết chặt kỷ luật, kiên quyết phòng chống tham nhũng, lãng phí

Bên cạnh các giải pháp công nghệ và quản trị, Bộ Tài chính tiếp tục siết chặt kỷ luật phát ngôn, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo mật bí mật nhà nước và an toàn thông tin mạng. Quy chế đưa ra những chế tài nghiêm khắc đối với công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực.

Đặc biệt, Bộ nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác để trục lợi cá nhân. Các biểu hiện gây khó khăn, phiền hà, nhũng nhiễu hoặc cố tình cản trở việc giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp dưới bất kỳ hình thức nào đều sẽ bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

RÚT NGẮN 55% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

6 tháng đầu năm 2026, trong bối cảnh số lượng đơn sở hữu công nghiệp tiếp tục tăng mạnh, yêu cầu xử lý hồ sơ nhanh hơn cùng với nhiệm vụ tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ, chống hàng giả, hàng xâm phạm quyền và bảo vệ tài sản trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) đã đạt nhiều kết quả nổi bật trên cả ba lĩnh vực: Xử lý đơn, hoàn thiện chính sách và cải cách hành chính, chuyển đổi số.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận 89.816 đơn sở hữu công nghiệp, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2025; xử lý 115.819 đơn, tăng 15%; đồng thời cấp 39.981 văn bằng bảo hộ.

So với kế hoạch năm 2026 được giao, công tác tiếp nhận đơn đạt 50%, xử lý đơn đạt 60%, còn số văn bằng bảo hộ được cấp đạt 71,3%.

Đáng chú ý, nhiều nhóm đơn có mức tăng cao như đơn sáng chế, giải pháp hữu ích; đơn nhãn hiệu; các đơn, yêu cầu sau cấp văn bằng bảo hộ; đơn khiếu nại, chấm dứt hoặc hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ.

Cùng với công tác chuyên môn, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế. Trong 6 tháng đầu năm, đơn vị đã tham mưu ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; rà soát, sửa đổi các biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý đơn sở hữu công nghiệp trên hệ thống quản trị đơn.

Trong lĩnh vực thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Cục đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg về tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ; tham mưu ban hành Công điện số 38/CĐ-TTg về tập trung đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; đồng thời theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai công điện trong đợt cao điểm và phối hợp tổ chức hội nghị sơ kết toàn quốc.

Một dấu ấn quan trọng khác là Cục Sở hữu trí tuệ đã chủ trì xây dựng Đề án “Đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới”, làm cơ sở để Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 51-KL/TW ngày 17/6/2026.

Theo Cục Sở hữu trí tuệ, Kết luận số 51-KL/TW là nền tảng quan trọng để tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả bảo hộ, thực thi và khai thác tài sản trí tuệ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh Hoa Kỳ khởi động điều tra Việt Nam theo Mục 301 về sở hữu trí tuệ, Cục đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành chuẩn bị nội dung, số liệu và triển khai các nhiệm vụ ứng phó, nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Cắt giảm 26 thủ tục hành chính, duy trì 80% hồ sơ trực tuyến

Cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số tiếp tục là điểm sáng trong hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ.

Theo đó, số lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã được cắt giảm từ 57 xuống còn 31 thủ tục, tương đương giảm 26 thủ tục.

Tổng thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cũng giảm mạnh từ 6.096 ngày xuống còn 2.719 ngày, tương đương rút ngắn khoảng 55%. Chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp giảm từ 525,6 tỷ đồng xuống còn 247,7 tỷ đồng.

Đến nay, tỉ lệ hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trực tuyến tiếp tục duy trì ở mức khoảng 80%, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Trong 6 tháng cuối năm, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ưu tiên triển khai Kết luận số 51-KL/TW của Bộ Chính trị; tiếp tục phối hợp ứng phó với cuộc điều tra của Hoa Kỳ theo Mục 301; nâng cao chất lượng xử lý đơn, không để tái diễn tình trạng hồ sơ quá hạn, tồn đọng.

Đồng thời, Cục sẽ hoàn thiện Đề án dữ liệu chuyên ngành về sở hữu trí tuệ; mở rộng xử lý đơn trên môi trường số và đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, trong hoạt động tra cứu, thẩm định, tư vấn và cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp, hướng tới xây dựng hệ thống sở hữu trí tuệ hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG ĐĂNG KÝ VÀ THỐNG KÊ HỘ TỊCH GIAI ĐOẠN MỚI

Chiều ngày 6/7/2026, tại Hà Nội, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai thi hành Luật Hộ tịch và Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026 - 2030, với hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến 33 điểm cầu trên cả nước.

Phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc nêu rõ sau hơn 10 năm thi hành Luật Hộ tịch năm 2014, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đã đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện; cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được xây dựng và vận hành trên phạm vi toàn quốc; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày càng hiệu quả, góp phần quan trọng vào cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Trước yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới, đặc biệt là yêu cầu xây dựng Chính phủ số, xã hội số và phát triển dữ liệu số quốc gia, đòi hỏi công tác hộ tịch phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ. Thực tiễn vẫn còn những khó khăn trong việc bảo đảm mọi người dân đều được đăng ký hộ tịch đầy đủ, kịp thời; chất lượng dữ liệu giữa các địa phương chưa đồng đều; việc khai thác, chia sẻ dữ liệu còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản trị hiện đại.

Trong bối cảnh đó, Quốc hội đã thông qua Luật Hộ tịch năm 2026 với nhiều quy định mang tính đổi mới, tạo nền tảng pháp lý hiện đại hóa toàn diện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026-2030, nhằm cụ thể hóa các mục tiêu phát triển hệ thống đăng ký và thống kê hộ tịch hiện đại, toàn diện, lấy người dân làm trung tâm, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc nhấn mạnh Hội nghị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn xây dựng chính sách sang giai đoạn tổ chức thực hiện. Triển khai thành công Luật Hộ tịch năm 2026 không chỉ là nhiệm vụ của ngành Tư pháp, mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị. Đồng thời, việc triển khai hiệu quả Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026-2030 sẽ góp phần hiện thực hóa các mục tiêu của Luật, xây dựng hệ thống đăng ký và thống kê hộ tịch hiện đại, toàn diện, chính xác và bao trùm, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia trong giai đoạn mới.

Tại Hội nghị, Phó Cục trưởng Cục Hành chính tư pháp Nhâm Ngọc Hiến giới thiệu các nội dung chính của Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch (CRVS) và Luật Hộ tịch năm 2026. Chương trình hành động được xây dựng với mục tiêu tổng quát là xây dựng hệ thống đăng ký và thống kê hộ tịch quốc gia thống nhất, hiện đại, hiệu quả, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm quyền đăng ký hộ tịch của mọi cá nhân, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hộ tịch và thống kê hộ tịch tin cậy, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và phát triển kinh tế-xã hội.

Về những điểm mới của Chương trình, ông Nhâm Ngọc Hiến cho biết Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026 - 2030 thể hiện định hướng hiện đại hóa toàn diện, đồng bộ và chuyên sâu, đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ từ giai đoạn xây dựng nền tảng (2017 - 2024) sang giai đoạn hoàn thiện, tích hợp và khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ Chính phủ số và phát triển bền vững. Chương trình không chỉ tiếp nối mà còn nâng tầm về chất lượng, phạm vi và mức độ hoàn thiện hệ thống CRVS của Việt Nam, cụ thể: Hoàn thiện và nâng cấp cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thành Cơ sở dữ liệu quốc gia; hoàn thiện hệ thống dữ liệu đầu vào của ngành y tế; tăng cường liên thông dữ liệu theo thời gian thực và phát triển dịch vụ công trực tuyến; nâng cao vai trò của truyền thông chiến lược.

Thảo luận tại Phiên tọa đàm với chủ đề “Chuyển đổi số, liên thông dữ liệu hộ tịch,” các đại biểu đã tập trung trao đổi về các giải pháp hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về hộ tịch; đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan; phát huy vai trò của số định danh cá nhân, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số trong nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Các ý kiến trao đổi tại phiên tọa đàm nhấn mạnh vai trò phối hợp giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, Tòa án và các địa phương trong việc xây dựng hệ thống dữ liệu thống nhất, đồng bộ; đồng thời đề cập các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng VNeID và các nền tảng số để tạo thuận lợi hơn cho người dân khi thực hiện các thủ tục đăng ký hộ tịch và các thủ tục hành chính liên quan khác.

Hội nghị cũng tập trung trao đổi về các điều kiện bảo đảm triển khai hiệu quả Luật Hộ tịch năm 2026 và Chương trình hành động quốc gia CRVS giai đoạn 2026 - 2030; nhấn mạnh yêu cầu tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện công tác hộ tịch và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ đăng ký hộ tịch đối với mọi người dân.

Một trong những nội dung được nhiều đại biểu quan tâm là công tác truyền thông, phổ biến pháp luật về hộ tịch. Các ý kiến cho rằng cần tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức truyền thông để tiếp cận thông tin hơn tới quần chúng; phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng và các lực lượng làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm đưa các quy định mới của Luật Hộ tịch đến gần hơn với người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các nhóm yếu thế...

Nguồn: vietnamplus.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI THÍ ĐIỂM XÂY DỰNG MÔ HÌNH
“XÃ, PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA”
TẠI THƯ LÂM VÀ PHÚC THỊNH**

Bí thư Thành ủy Hà Nội Trần Đức Thắng vừa ký, ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU của Thành ủy Hà Nội về xây dựng và triển khai thí điểm mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn, đồng thời lựa chọn triển khai thí điểm mô hình này tại hai xã Thư Lâm và Phúc Thịnh.

Theo Nghị quyết số 16-NQ/TU, thành phố lựa chọn hai xã Thư Lâm và Phúc Thịnh để triển khai thí điểm mô hình xã xã hội chủ nghĩa. Việc lựa chọn được thực hiện trên cơ sở phù hợp với định hướng tổ chức không gian phát triển, điều kiện hạ tầng, tiềm năng phát triển, năng lực quản trị và mức độ sẵn sàng đổi mới của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Nghị quyết xác định rõ, mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” không chỉ hướng tới tăng trưởng kinh tế, mà đặt trọng tâm vào phát triển toàn diện con người, bảo đảm mọi người dân được thụ hưởng thành quả phát triển một cách công bằng, bền vững. Người dân vừa là trung tâm, vừa là chủ thể, đồng thời là mục tiêu và động lực của mọi chính sách phát triển. Mức độ hài lòng, thụ hưởng và hạnh phúc của nhân dân sẽ trở thành thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở.

Để mô hình vận hành thực chất, Thành ủy đã đề ra 6 nhóm nhiệm vụ chiến lược:

Thứ nhất là hoàn thiện thể chế đặc thù. Đây là nhiệm vụ tiên quyết. Thành phố sẽ bám sát Luật Thủ đô năm 2026 để nghiên cứu các cơ chế đặc thù về tái định cư, giải phóng mặt bằng và tổ chức lại không gian phát triển. Một điểm mới là nghiên cứu cơ chế để lại nguồn thu cho địa bàn thí điểm nhằm tăng tính tự chủ và khả năng huy động nguồn lực tại chỗ.

Thứ hai là, tổ chức triển khai thí điểm có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình cụ thể.

Việc triển khai thí điểm tại hai xã Phúc Thịnh và Thư Lâm phải gắn liền với việc chuẩn bị đồng bộ hạ tầng, dữ liệu và nhân lực. Thành phố yêu cầu phải làm rõ phương án quản trị sao cho vừa đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước tăng nhanh, vừa bảo đảm nguyên tắc không làm tăng biên chế cán bộ. Lộ trình được đặt ra là: Năm 2026 sẽ tập trung hoàn thiện và ban hành Đề án khung. Đây là giai đoạn kiện toàn cơ chế chỉ đạo, xác định các nhiệm vụ ưu tiên và phương án bố trí nguồn lực cho hai xã.

Giai đoạn 2027 - 2030 sẽ tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung của mô hình. Thành phố sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát dựa trên bộ tiêu chí đã ban hành để kịp thời tháo gỡ khó khăn và điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp.

Năm 2030 sẽ tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả bước đầu. Kết quả từ hai xã thí điểm sẽ giúp hoàn thiện cơ chế, chính sách để xem xét mở rộng quy mô.

Giai đoạn 2031 - 2035 sẽ tiếp tục hoàn thiện và mở rộng mô hình đối với các địa bàn đủ điều kiện khác.

Năm 2035 sẽ tổng kết toàn diện Đề án, đánh giá tác động và tính hiệu quả để báo cáo cấp có thẩm quyền về việc nhân rộng mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” trên phạm vi toàn Thủ đô.

Thứ ba là phát triển nguồn nhân lực cơ sở. Thành phố sẽ tổ chức đào tạo chuyên sâu về quản trị phục vụ, chuyển đổi số và kỹ năng tương tác với nhân dân. Đặc biệt, cơ chế đánh giá cán bộ sẽ gắn liền với mức độ hài lòng và hạnh phúc của người dân địa phương.

Thứ tư là bố trí và huy động nguồn lực tập trung. Nghị quyết nêu rõ nguồn lực sẽ được ưu tiên cho các hạng mục then chốt như hạ tầng thiết yếu, y tế, giáo dục và an sinh xã hội. Thành phố không chỉ dựa vào ngân sách, mà còn nghiên cứu các phương án huy động nguồn lực ngoài ngân sách, đồng thời có cơ chế hỗ trợ riêng về kỹ thuật và chuyên gia cho các xã thí điểm.

Thứ năm là đột phá bằng ứng dụng công nghệ. Theo Nghị quyết, chuyển đổi số là giải pháp cốt lõi để nâng cao hiệu quả quản trị. Hà Nội sẽ xây dựng nền tảng dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" dùng chung cho cấp xã để hỗ trợ công tác điều hành và ra quyết định dựa trên dữ liệu thực tế. Hệ thống chính quyền số sẽ bao gồm các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và công cụ để người dân phản ánh, kiến nghị một cách nhanh chóng nhất.

Thứ sáu là truyền thông và phát huy quyền làm chủ của nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận xã hội. Kế hoạch truyền thông giúp người dân hiểu rõ quyền lợi và tính ưu việt của mô hình. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích người dân tham gia góp ý, phản biện và giám sát trực tiếp quá trình triển khai tại địa phương.

Nguồn: nhandan.vn

PHÚ THỌ: ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ XỬ LÝ 538 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DƯ SAU SẮP XẾP

Phú Thọ đang tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý 538 cơ sở nhà, đất dư còn lại sau sắp xếp đơn vị hành chính, đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm sử dụng hiệu quả tài sản công, tạo thêm nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Theo Sở Tài chính tỉnh, đến ngày 12/6/2026, toàn tỉnh có 1.542 cơ sở nhà, đất thuộc diện phải sắp xếp, xử lý. Đến nay, địa phương đã hoàn thành xử lý 1.004 cơ sở, đạt trên 65%; còn 538 cơ sở đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục theo quy định.

Toàn bộ số cơ sở này đã được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định chuyển giao để quản lý, xử lý theo hình thức giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trong đó, 433 cơ sở được chuyển giao về Ủy ban Nhân dân cấp xã quản lý và 105 cơ sở giao cho các Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực.

Việc chuyển giao mới hoàn thành bước đầu trong quy trình xử lý. Hiện, các đơn vị được giao quản lý đang triển khai bước tiếp theo là rà soát, đưa các khu đất đủ điều kiện vào kế

hoạch đầu giá quyền sử dụng đất năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để tổ chức thực hiện theo quy định, bảo đảm phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cũng như định hướng phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương.

Tuy nhiên, quá trình xử lý vẫn gặp nhiều khó khăn, do đây là lĩnh vực có trình tự, thủ tục phức tạp, thời gian thực hiện kéo dài và liên quan đến nhiều quy định của pháp luật về đất đai, tài sản công, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn.

Việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phải bảo đảm đồng bộ với định hướng phát triển của địa phương, trong khi nhiều cơ sở chưa đủ điều kiện để đưa ngay vào đầu giá quyền sử dụng đất.

Để tránh lãng phí tài sản trong thời gian chờ hoàn thiện các thủ tục, các Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực và Ủy ban Nhân dân các xã, phường đã đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh cho phép khai thác quỹ đất theo hình thức cho thuê ngắn hạn đối với những khu đất đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Giải pháp này vừa góp phần tăng nguồn thu ngân sách, vừa hạn chế tình trạng bỏ hoang tài sản công trong thời gian chờ xử lý dứt điểm.

Để hoàn thành mục tiêu xử lý toàn bộ số cơ sở còn lại trong năm 2026, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trần Duy Đông giao Sở Tài chính chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng cùng các đơn vị liên quan làm việc trực tiếp với các xã, phường để hướng dẫn xử lý từng trường hợp cụ thể, không để tài sản hư hỏng, xuống cấp hoặc kéo dài gây lãng phí.

Trên cơ sở đề xuất của các địa phương, Sở Tài chính khẩn trương tham mưu ban hành bảng giá cho thuê nhà đối với các cơ sở đủ điều kiện khai thác theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP theo phương châm “làm đến đâu ban hành đến đấy,” tạo điều kiện đưa tài sản vào sử dụng ngay. Trường hợp Chính phủ ban hành cơ chế đặc thù mới, ngành tài chính có trách nhiệm hướng dẫn triển khai kịp thời, bảo đảm không làm gián đoạn tiến độ xử lý.

Sở Xây dựng nghiên cứu các giải pháp khai thác hiệu quả quỹ nhà, đất công theo hướng hình thành các không gian phát triển mới. Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên đề về quản lý, sử dụng tài sản công để kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp gây thất thoát, lãng phí hoặc chậm triển khai.

Các Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực khẩn trương tiếp nhận các cơ sở đã được chuyển giao, xây dựng phương án khai thác hiệu quả. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản, chủ động đề xuất chuyển đổi công năng đối với các cơ sở phù hợp phục vụ văn hóa, giáo dục, y tế và sinh hoạt cộng đồng.

Các sở, ngành, địa phương chủ động nghiên cứu, áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP; tiếp tục rà soát toàn bộ tài sản công, điều chuyển những tài sản sử dụng chưa hiệu quả và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu tài sản công, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Nguồn: vietnamplus.vn

THÁI NGUYÊN: CHÍNH THỨC TRỞ THÀNH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH LOẠI 1

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Thanh Bình vừa ký ban hành Quyết định số 750/QĐ-BNV về việc phân loại đơn vị hành chính đối với tỉnh Thái Nguyên.

Theo quyết định, tỉnh Thái Nguyên được công nhận là đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khẳng định vị thế trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Có thể khẳng định việc Thái Nguyên được công nhận là đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1 là kết quả tất yếu của một quá trình nỗ lực bền bỉ và toàn diện trên mọi lĩnh vực. Trong đó có thể kể đến những điểm sáng nổi bật như thu hút FDI và phát triển công nghiệp.

Tính đến tháng 6/2026, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh cán mốc 8 tỷ USD. Đây là mức thu hút vốn FDI cao nhất từ trước đến nay, giúp Thái Nguyên tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài trong năm 2026, thể hiện sự dịch chuyển mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bên cạnh đó là tốc độ đô thị hóa nhanh và bền vững của tỉnh. Tháng 6/2026, Hội đồng Nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã thông qua Nghị quyết thành lập thêm 8 đơn vị hành chính đô thị cấp xã (chuyển đổi từ xã lên phường), mở rộng không gian phát triển đô thị, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Một kết quả nổi bật khác của tỉnh là Thái Nguyên luôn duy trì thứ hạng cao trong các chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII). Công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao trách nhiệm công vụ luôn được thắt chặt nhằm phục vụ tối đa cho người dân và doanh nghiệp...

Việc chính thức trở thành đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1 không chỉ là niềm vinh dự, tự hào của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên, mà còn mở ra cơ hội lớn để tỉnh tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Đây sẽ là cơ sở quan trọng để Trung ương, tỉnh tiếp tục ưu tiên bố trí phân bổ nguồn lực, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng liên kết vùng, khẳng định vững chắc vai trò là một trong những cực tăng trưởng của vùng trung du, miền núi Bắc Bộ.

Nguồn: vietnamplus.vn

THANH HÓA: CẢI CÁCH ĐỂ PHỤC VỤ TỐT HƠN

Rà soát tất cả các thủ tục để rút ngắn thời gian giải quyết, cắt giảm bớt các giấy tờ không cần thiết để mỗi hồ sơ được giải quyết nhanh gọn hơn. Đó là mục tiêu, cũng là nhiệm vụ

xuyên suốt được các cấp, các ngành trong tỉnh nỗ lực thực hiện, hướng đến sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

Để loại bỏ những rào cản đang làm khó người dân, doanh nghiệp, giúp khơi thông và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Thanh Hóa đã thực hiện phân luồng, rút ngắn thời gian xử lý đối với 49 thủ tục hành chính về đầu tư, doanh nghiệp; xây dựng và kinh doanh bất động sản; đất đai, lâm nghiệp, khoáng sản và việc làm. Thời gian rút ngắn các thủ tục này từ 30% - 60% so với trước đây. Trong đó, các thủ tục liên quan trực tiếp đến tiến độ triển khai dự án như điều chỉnh chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, cấp phép lao động cho người nước ngoài... đều được ưu tiên, giúp doanh nghiệp giảm đáng kể thời gian chờ đợi, tiết kiệm chi phí và sớm đưa dự án vào vận hành.

Mỗi thủ tục được cắt giảm là thêm một bước tiến của nền hành chính phục vụ. Vì thế, các sở, ngành, địa phương đã thường xuyên rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính và đề xuất đơn giản hóa tối đa về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền. Đến nay, Thanh Hóa đã hoàn thành rà soát 60/60 thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh, tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết từ 1.375 ngày xuống còn 518 ngày (vượt chỉ tiêu giao). Thanh Hóa cũng đã hoàn thành rà soát 798 thủ tục hành chính để thay thế 15 loại giấy tờ bằng việc khai thác dữ liệu; hoàn thành rà soát tổng thể 2.208 thủ tục hành chính do các bộ, ngành Trung ương quy định (đạt 100%); hoàn thành rà soát 2.199 thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp xã để cắt giảm thành phần hồ sơ có thể khai thác từ dữ liệu...

Để tăng tính chủ động, tính tự chịu trách nhiệm cho chính quyền cơ sở và cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, Thanh Hóa đã thực hiện phân cấp, ủy quyền việc ký kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Tổng số thủ tục hành chính đã phân cấp, ủy quyền là 415/2.205 thủ tục. Trong đó, số thủ tục được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho giám đốc các sở, ngành là 243; số ủy quyền từ giám đốc sở cho trưởng phòng là 22 thủ tục; số phân cấp từ Ủy ban nhân dân tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã là 12 thủ tục; số ủy quyền từ chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho trưởng phòng chuyên môn cấp xã là 64 thủ tục.

Anh Lê Mạnh Hùng, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Trường Văn cho rằng: “Việc phân cấp, phân quyền hợp lý đã phát huy năng lực của từng cấp chính quyền, bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả; đồng thời tăng tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan, người được giao thẩm quyền và giảm tải cho cơ quan cấp trên để tập trung vào công tác quản lý, xây dựng chính sách, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề quan trọng. Đối với tổ chức, công dân, việc phân cấp, phân quyền giúp rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao mức độ hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính”.

Với ưu điểm đó, các sở, ngành đang tiếp tục đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền giải quyết đối với 369 thủ tục thuộc thẩm quyền. Đơn cử như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền giải quyết 28 thủ tục; đề xuất sẽ phân cấp, ủy quyền 30 thủ tục; cắt giảm tối thiểu 30% thời hạn giải quyết đối với 117/162 thủ tục. Sở Công Thương đã phân cấp ủy quyền 137 thủ tục và sẽ tiếp tục phân cấp ủy quyền 46 thủ tục...

Để người dân, doanh nghiệp lựa chọn cách thức thực hiện thủ tục hành chính phù hợp, giảm tối đa thời gian, chi phí đi lại, tất cả thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần. Các địa phương, đơn vị đã triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến như bố trí máy tính hỗ trợ người dân nộp hồ sơ; phối hợp với đơn vị cung cấp mạng di động để đăng ký sim chính chủ; phối hợp với ngân hàng hỗ trợ cấp tài khoản, cài đặt ứng dụng thanh toán trực tuyến; tạo lập eform điện tử, kết nối chia sẻ dữ liệu để không phải khai báo nhiều lần; xây dựng kho dữ liệu điện tử cá nhân...

Trong thực hiện đề án “Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông”, các ngành, địa phương đã gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính, tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác. Các thông tin số hóa được lưu giữ tại kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và được đồng bộ dữ liệu lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hiện nay, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã được nâng cấp, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về số hóa, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, xử lý hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Hệ thống đã được tích hợp, đồng bộ cho phép người dân thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi.

Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện mục tiêu cải cách hành chính. Khi những rào cản không cần thiết dần được gỡ bỏ, khi sự rườm rà, chông chéo dần được thay thế bằng sự nhanh gọn và minh bạch, niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan Nhà nước sẽ được nhân lên.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN VÀ BƯU ĐIỆN VIỆT NAM HỢP TÁC ĐƯA DỊCH VỤ CÔNG ĐẾN GẦN NGƯỜI DÂN

Ngày 6/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam ký kết thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2026 - 2030 nhằm mở rộng hợp tác về bưu chính, logistics, thương mại điện tử, hướng tới mục tiêu đưa dịch vụ công đến gần người dân, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng.

Một trong những nội dung trọng tâm của chương trình hợp tác là cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số. Theo đó, Bưu điện Việt Nam sẽ tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; đồng thời tham gia chỉnh lý, số hóa hồ sơ, hướng dẫn người dân, tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cũng như các trung tâm hành chính công cấp xã, phường.

Đặc biệt, hai bên sẽ nghiên cứu triển khai mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công hiện đại và ki-ốt hành chính công thông minh, góp phần giảm thời gian đi lại, tiết kiệm chi phí xã hội và nâng cao trải nghiệm của người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

Theo hợp tác, hai bên cũng phối hợp phát triển chuỗi cung ứng, mở rộng hệ thống kho bãi, vận chuyển, hỗ trợ tiêu thụ nông sản, sản phẩm OCOP và kết nối hàng hóa của Nghệ An với thị trường trong nước và quốc tế.

Không chỉ hướng tới các doanh nghiệp lớn, chương trình còn mở ra nhiều cơ hội cho hộ sản xuất, hợp tác xã và hộ kinh doanh thông qua việc đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử của Bưu điện, phát triển các điểm giới thiệu sản phẩm tại mạng lưới Bưu điện xã, đồng thời cung cấp các giải pháp chuyển đổi số như hóa đơn điện tử, chữ ký số, phần mềm bán hàng và thiết bị thanh toán hiện đại.

Hai bên cũng sẽ tiếp tục phối hợp chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp người có công, trợ giúp xã hội và nhiều chương trình an sinh khác; đồng thời mở rộng các dịch vụ tài chính bưu chính, thanh toán không dùng tiền mặt, thu hộ, chi hộ, góp phần hạn chế tín dụng đen tại địa phương.

Với sự kết hợp giữa hạ tầng bưu chính quốc gia của Bưu điện Việt Nam và quyết tâm cải cách, chuyển đổi số của tỉnh Nghệ An, chương trình hợp tác giai đoạn 2026 - 2030 được kỳ vọng sẽ góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, tạo môi trường đầu tư thuận lợi hơn, thúc đẩy phát triển kinh tế số, mang đến nhiều tiện ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÀ TĨNH: CÔNG KHAI 100% THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

Công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số được Hà Tĩnh triển khai đồng bộ, hướng tới xây dựng nền hành chính minh bạch, hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Đến nay, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh đã được cập nhật, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và tích hợp trên các nền tảng số, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong tra cứu, thực hiện thủ tục.

Để hoàn thiện hệ thống thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 223 quyết định công bố 1.003 thủ tục mới, 1.844 thủ tục thay thế, sửa đổi, bổ sung và 333 thủ tục bãi bỏ.

Việc công khai đầy đủ thủ tục hành chính trên môi trường số không chỉ góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước mà còn giúp người dân, doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Đây cũng chính là giải pháp quan trọng thúc đẩy thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và cải thiện chất lượng phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh việc công khai trên môi trường số, các thủ tục hành chính còn được niêm yết tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và các xã, phường. Các cơ quan, đơn vị cũng đã đẩy mạnh việc ứng dụng mã QR để người dân dễ dàng tra cứu thủ tục hành chính.

Nguồn: baohatinh.vn

ĐÀ NẴNG: BAN HÀNH BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 2851/QĐ-UBND về Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2026 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan ngành dọc trên địa bàn thành phố.

Bộ chỉ số được xây dựng nhằm đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành; đồng thời làm cơ sở xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

Nội dung đánh giá tập trung vào các lĩnh vực: công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền số; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công tác kiểm tra cải cách hành chính; tuyên truyền cải cách hành chính và việc triển khai các kế hoạch, chương trình của thành phố liên quan đến cải cách hành chính, chuyển đổi số.

Đối với công tác tuyên truyền cải cách hành chính, Bộ chỉ số đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền; đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử; xây dựng các sản phẩm truyền thông trực quan; tổ chức cuộc thi, hội nghị, lớp tập huấn về cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Bộ chỉ số cũng đánh giá kết quả thực hiện kiểm tra cải cách hành chính tại các đơn vị trực thuộc; mức độ hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch, chương trình, chỉ đạo của thành phố.

Nguồn: baodanang.vn

KHÁNH HÒA: PHÁT HUY HẠ TẦNG BƯU CHÍNH, TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 10/7/2026, tại Nha Trang, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam đã ký kết thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2026 - 2030, mở ra bước phát triển mới trong việc khai thác đồng bộ hạ tầng bưu chính phục vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số, thương mại điện tử, logistics và các dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh.

Phát biểu tại buổi lễ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Thanh Hà nhấn mạnh, việc ký kết thỏa thuận hợp tác không chỉ thể hiện quyết tâm đồng hành giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp bưu chính chủ lực của quốc gia mà còn cụ thể hóa chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Theo đồng chí Nguyễn Thanh Hà, sau khi hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính, Khánh Hòa đang đứng trước những yêu cầu mới về năng lực quản trị và tổ chức cung ứng dịch vụ công. Không gian phát triển được mở rộng, mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động đòi hỏi hệ thống hạ tầng phục vụ quản lý nhà nước phải được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ công nhanh chóng, thuận tiện và minh bạch.

Trong mục tiêu xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số, tỉnh xác định chuyển đổi số và hiện đại hóa hạ tầng phục vụ quản trị là một trong những động lực quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, đồng thời phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh khẳng định, mạng lưới bưu chính ngày nay không đơn thuần thực hiện chức năng chuyển phát mà đã trở thành một bộ phận của hạ tầng số quốc gia, là cầu nối giữa chính quyền với người dân, giữa sản phẩm địa phương với thị trường và giữa các chính sách an sinh với đối tượng thụ hưởng. Với hệ thống điểm phục vụ rộng khắp cùng kinh nghiệm triển khai dịch vụ công ích, chi trả an sinh xã hội, logistics và các giải pháp chuyển đổi số, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam sẽ tiếp tục là đối tác quan trọng đồng hành cùng Khánh Hòa trong quá trình xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp và phục vụ.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam Chu Quang Hào cho biết, doanh nghiệp định hướng phát triển mỗi điểm bưu điện trở thành một trung tâm dịch vụ đa chức năng, vừa cung cấp các dịch vụ bưu chính, logistics, vừa là điểm kết nối dịch vụ công, hỗ trợ chuyển đổi số và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm địa phương.

Theo ông Chu Quang Hào, mục tiêu của chương trình hợp tác là mở rộng các dịch vụ bưu chính và hướng tới nâng cao hiệu quả quản trị, giảm chi phí xã hội, tăng tính công khai, minh bạch và đem lại nhiều thuận lợi hơn cho người dân. Trong đó, việc triển khai mô hình “hành chính công phi địa giới hành chính” sẽ góp phần giúp người dân thực hiện thủ tục hành chính tại bất kỳ điểm phục vụ nào phù hợp, không còn bị giới hạn bởi địa giới cư trú.

Thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2026 - 2030 là minh chứng cho quyết tâm của tỉnh Khánh Hòa trong việc huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội để phục vụ phát triển. Khi hạ tầng bưu chính được tích hợp với hạ tầng số và hệ thống dịch vụ công, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, phát triển thương mại điện tử, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm địa phương và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Đây cũng là bước đi thiết thực nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại, tạo thêm động lực để Khánh Hòa đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững, khẳng định vai trò là cực tăng trưởng của khu vực Nam Trung Bộ và từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

Nguồn: vietnamplus.vn

LÂM ĐỒNG: QUYẾT LIỆT “LÀM SẠCH” DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2026

Với khối lượng dữ liệu lớn, địa bàn rộng, Lâm Đồng đang tập trung nguồn lực để hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, bảo đảm hoàn thành mục tiêu năm 2026.

Khối lượng lớn, yêu cầu cao

Cập nhật số liệu đến ngày 06/7/2026, toàn tỉnh mới xây dựng được cơ sở dữ liệu đối với 1.976.827/3.958.989 thửa đất, đạt 49,9%, thấp hơn mức bình quân cả nước (70,06%).

Trong số này, chỉ có 396.061 thửa đạt tiêu chí Nhóm 1 “đúng - đủ - sạch - sống”, tương đương khoảng 10% tổng số thửa đất toàn tỉnh và khoảng 20% số thửa đã xây dựng cơ sở dữ liệu. Trong khi đó, bình quân cả nước tỷ lệ dữ liệu đạt Nhóm 1 đạt khoảng 36,3% tổng số thửa và 51,8% số thửa đã xây dựng cơ sở dữ liệu.

Còn 1.580.766 thửa thuộc Nhóm 2, chiếm khoảng 80% số dữ liệu đã xây dựng nhưng chưa đạt tiêu chuẩn để khai thác hiệu quả; và còn 1.982.162 thửa chưa được xây dựng cơ sở dữ liệu, tương đương 50,1% tổng số thửa đất.

Với kết quả này, Lâm Đồng hiện nằm trong nhóm địa phương có tiến độ chậm trong xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng Phan Nguyễn Hoàng Tân cho biết, thực tế triển khai cũng cho thấy nhiều khó khăn, vì dữ liệu đất đai được hình thành qua nhiều giai đoạn, tiêu chuẩn kỹ thuật không đồng nhất; hồ sơ giấy ở một số địa phương còn phân tán; thông tin biến động đất đai chưa được cập nhật kịp thời.

Bên cạnh đó, việc chuyển đổi mô hình quản lý sau sắp xếp đơn vị hành chính, thiếu nhân lực chuyên môn ở cơ sở và yêu cầu đối soát với dữ liệu dân cư cũng đặt ra áp lực lớn về tiến độ lẫn chất lượng.

Trong tháng 7/2026, sở sẽ tổ chức cao điểm làm sạch toàn bộ dữ liệu Nhóm 2, giao chỉ tiêu cụ thể theo từng tuần, từng địa bàn, từng văn phòng đăng ký đất đai khu vực, từng nhà thầu và đơn vị cung cấp phần mềm...

Làm sạch đến đâu, đưa vào khai thác đến đó

Thời gian tới, tỉnh Lâm Đồng sẽ tập trung nguồn lực, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trong năm 2026.

Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai còn gắn trực tiếp với cải cách hành chính. Khi dữ liệu được chuẩn hóa, các thủ tục như: đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất có điều kiện xử lý nhanh hơn, minh bạch hơn.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các địa phương phải rà soát cụ thể từng nhóm việc: đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, số hóa giấy chứng nhận, cập nhật biến động, chuẩn hóa thông tin chủ sử dụng đất và đối soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Dữ liệu đạt chuẩn đến đâu phải được đưa vào vận hành, khai thác đến đó, tránh tình trạng số hóa xong nhưng chưa phục vụ được công tác quản lý và giải quyết hồ sơ cho người dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao mốc trước 15 giờ thứ sáu hàng tuần, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải báo cáo kết quả thực hiện. Trong đó, thể hiện rõ số thửa tăng thêm, số thửa đạt Nhóm 1, số thửa chuyển từ Nhóm 2 sang Nhóm 1, kết quả đối soát dữ liệu dân cư, tình hình xử lý lỗi kỹ thuật cũng như trách nhiệm của từng địa phương, đơn vị nếu chậm tiến độ.

Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Trọng Yên yêu cầu các sở, ngành, địa phương xác định hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của năm 2026. Trong quá trình thực hiện, phải giao việc rõ, kiểm soát tiến độ rõ, trách nhiệm rõ; địa phương nào chậm phải làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm người đứng đầu.

Nguồn: baolamdong.vn

TÂY NINH: CHỐT SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN SAU SẮP XẾP BỘ MÁY

Tổng số cấp phó của 15 cơ quan chuyên môn, tổ chức thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh được xác định là 63 người, trong đó, 6 cơ quan được bố trí 5 cấp phó.

Nhằm tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh đã có văn bản thông báo số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn, tổ chức thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Kết luận số 431-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tổng số cấp phó của 15 cơ quan chuyên môn, tổ chức thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh được xác định là 63 người. Trong đó, 6 cơ quan được bố trí 5 cấp phó gồm: Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; 7 cơ quan có 4 cấp phó gồm: Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. Sở Ngoại vụ có 3 cấp phó; Sở Dân tộc-Tôn giáo có 2 cấp phó.

Theo Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, việc xác định số lượng cấp phó là bước tiếp theo trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy sau sắp xếp.

Tây Ninh hiện có 15 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh và 96 xã, phường hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tất cả 15 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 96 Ủy ban Nhân dân cấp xã đã hoàn thành việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, bảo đảm bộ máy vận hành thống nhất ngay từ khi đi vào hoạt động.

Sau sắp xếp, một số sở, ngành vẫn có số lượng cấp phó vượt mức định hướng do hợp nhất tổ chức, như Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường cùng có 8 Phó Giám đốc, Sở Giáo dục và Đào tạo có 6 Phó Giám đốc.

Việc công bố khung số lượng cấp phó lần này tạo cơ sở để tỉnh từng bước sắp xếp, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo theo đúng quy định của Trung ương và phù hợp yêu cầu thực tiễn.

Theo Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, qua thời gian vận hành, mô hình chính quyền địa phương hai cấp cơ bản hoạt động ổn định, thông suốt, không làm gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, các cơ quan tiếp tục được rà soát, phân định rõ; cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành.

Cùng với việc kiện toàn tổ chức bộ máy, tỉnh đã hoàn thành rà soát, xác định vị trí việc làm, khung năng lực và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp; đồng thời bố trí, phân công cán bộ, công chức, viên chức cơ bản phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực và yêu cầu nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới.

Tổng biên chế công chức được giao sau sắp xếp là gần 12.100 biên chế, gồm hơn 2.800 biên chế cấp tỉnh và gần 9.300 biên chế cấp xã; hiện toàn tỉnh có gần 9.000 công chức đang công tác.

Theo Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện thường xuyên, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm đúng người, đúng việc, không để xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ tiếp tục xem xét, điều chỉnh số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn khi có thay đổi về quy định hoặc yêu cầu thực tiễn, góp phần xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nguồn: baochinhpvu.vn

VAI TRÒ CỦA QUAN HỆ CÔNG CHÚNG TRONG XÂY DỰNG HÌNH ẢNH QUỐC GIA VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐỐI NGOẠI THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quan hệ công chúng trở thành chiến lược truyền thông quan trọng trong việc định hướng và quảng bá hình ảnh quốc gia. Việc vận dụng hiệu quả quan hệ công chúng trong hoạt động đối ngoại không chỉ góp phần lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc, mà còn là phương thức để xây dựng hình ảnh Việt Nam tích cực, chủ động và hội nhập, phù hợp với định hướng phát triển văn hóa theo Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Cơ sở lý luận về quan hệ công chúng và xây dựng hình ảnh quốc gia

Trong thời kỳ toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cạnh tranh giữa các quốc gia không chỉ diễn ra trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự mà còn thể hiện rõ nét trên phương diện hình ảnh, văn hóa và uy tín quốc gia.

Đối với Việt Nam, đường lối phát triển văn hóa và đối ngoại được khẳng định rõ trong Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026, của Bộ Chính trị “Về phát triển văn hóa Việt Nam”, trong đó xác định rõ: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần gia tăng sức mạnh mềm quốc gia”⁽¹⁾; đồng thời “phát huy vai trò quan trọng của văn hóa trong các hoạt động đối ngoại các cấp, góp phần xây dựng thương hiệu quốc gia, nâng cao vị thế của đất nước”⁽²⁾. Nghị quyết số 80-NQ/TW cũng nhấn mạnh việc “xây dựng chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài, lấy văn hóa làm nền tảng, trụ cột, lan tỏa hình ảnh đất nước, con người Việt Nam là một quốc gia giàu bản sắc văn hóa, nhân văn, có trách nhiệm, đóng góp tích cực vào dòng chảy văn minh của nhân loại”⁽³⁾. Những nội dung này thể hiện rõ yêu cầu đưa văn hóa thành “sức mạnh mềm”, nâng cao uy tín quốc gia và gắn kết với hoạt động đối ngoại.

Quan hệ công chúng là quá trình quản lý truyền thông nhằm thiết lập và duy trì mối quan hệ có lợi giữa tổ chức với các nhóm công chúng của mình. Quan hệ công chúng là “quá trình quản lý truyền thông giữa một tổ chức và các nhóm công chúng của nó”⁽⁴⁾. Cách tiếp cận này xác lập bản chất của quan hệ công chúng là một chức năng quản trị, gắn trực tiếp với mục tiêu chiến lược và quá trình ra quyết định của tổ chức.

Xét về phương diện lý luận truyền thông, sự phát triển của quan hệ công chúng gắn liền với quá trình chuyển dịch từ mô hình truyền thông một chiều sang hai chiều, đặc biệt là mô hình giao tiếp hai chiều đối xứng, trong đó nhấn mạnh tính tương tác, đối thoại và điều chỉnh lẫn nhau giữa chủ thể và công chúng. Sự chuyển dịch này phản ánh thay đổi căn bản trong logic truyền thông, từ “truyền đạt thông tin” sang “định hướng và điều phối nhận thức”. Ở

cấp độ quốc gia, điều này có ý nghĩa quan trọng khi truyền thông không chỉ đóng vai trò hỗ trợ mà trở thành một thành tố cấu thành của quyền lực và ảnh hưởng quốc tế. Việc nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại đã được xác định rõ trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, với yêu cầu “đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại”⁽⁵⁾ theo hướng chủ động, kịp thời.

Hình ảnh quốc gia về bản chất là một cấu trúc nhận thức mang tính kiến tạo, được hình thành qua quá trình lựa chọn và diễn giải thông tin, phản ánh tổng hợp nhận thức, ấn tượng và đánh giá của cộng đồng quốc tế đối với một quốc gia. Hình ảnh quốc gia không phải là sự phản ánh trực tiếp thực trạng khách quan, mà là kết quả của quá trình “truyền thông hóa” (mediatization), trong đó các yếu tố như thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế, bản sắc văn hóa hay con người được lựa chọn, cấu trúc và diễn giải trong không gian truyền thông.

Hình ảnh quốc gia được cấu thành bởi nhiều trụ cột cơ bản như “quản trị quốc gia, đầu tư và nhập cư, xuất khẩu, văn hóa và di sản, con người và du lịch”⁽⁶⁾. Tuy nhiên, các trụ cột này không tự chuyển hóa thành hình ảnh nếu không thông qua quá trình tiếp nhận của công chúng. Như vậy, hình ảnh quốc gia về bản chất là một dạng “thực tại được kiến tạo” trong nhận thức xã hội, tồn tại thông qua cách thức nó được truyền thông và diễn giải. Hệ quả là giữa “thực trạng quốc gia” và “hình ảnh quốc gia” luôn tồn tại một khoảng cách nhất định, phụ thuộc quyết định vào năng lực truyền thông. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, hình ảnh quốc gia trở thành một dạng tài sản chiến lược, có khả năng tác động trực tiếp đến thu hút đầu tư, mở rộng hợp tác và nâng cao vị thế quốc tế. Điều này phù hợp với quan điểm của Đảng ta khi nhấn mạnh nhiệm vụ “xây dựng và quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam”⁽⁷⁾ là một nội dung quan trọng của công tác đối ngoại.

Quan hệ công chúng giữ vai trò trung gian trong cơ chế vận hành của “quyền lực mềm” thông qua việc chuyển hóa thông tin thành ảnh hưởng xã hội. Tuy nhiên, sức mạnh này không tồn tại một cách tự nhiên, mà chỉ phát huy tác dụng khi được tiếp nhận và chuyển hóa trong nhận thức của công chúng quốc tế. Trong cơ chế đó, quan hệ công chúng đóng vai trò là một thiết chế trung gian, thực hiện chức năng lựa chọn, cấu trúc và khuếch tán thông tin theo những khuôn khổ ý nghĩa nhất định. Về phương diện lý luận, quá trình này có thể được khái quát qua chuỗi tác động của thông tin, nhận thức, thái độ, hành vi, trong đó hiệu quả của mỗi khâu phụ thuộc vào mức độ phù hợp, nhất quán và khả năng thuyết phục của thông điệp truyền thông.

Vai trò của quan hệ công chúng trong xây dựng hình ảnh quốc gia và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại ở Việt Nam

Trên cơ sở những vấn đề lý luận, quan hệ công chúng không chỉ là cách thức truyền thông, mà còn là yếu tố tham gia trực tiếp vào quá trình hình thành nhận thức và tạo dựng ảnh hưởng trong môi trường quốc tế. Vai trò này được thể hiện trên một số phương diện sau:

Một là, quan hệ công chúng thực hiện chức năng định hướng và ổn định nhận thức quốc tế về quốc gia. Vai trò này thể hiện ở khả năng thiết lập và duy trì các khung diễn giải thống nhất trong truyền thông đối ngoại, qua đó định hướng cách công chúng quốc tế tiếp nhận và

đánh giá về quốc gia. Thông qua việc tổ chức và lặp lại thông điệp trên nhiều kênh truyền thông khác nhau, quan hệ công chúng góp phần hình thành những khuôn mẫu nhận thức tương đối ổn định, giúp củng cố hình ảnh quốc gia trong không gian truyền thông toàn cầu.

Trong bối cảnh thông tin đa chiều và cạnh tranh về diễn giải ngày càng gia tăng, việc thiếu định hướng truyền thông có thể dẫn đến nhận thức phân mảnh hoặc bị chi phối bởi các thông tin bất lợi. Do đó, vai trò định hướng của quan hệ công chúng có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì sự nhất quán và tính ổn định của hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế.

Hai là, quan hệ công chúng tạo ra cơ chế lan tỏa và củng cố ảnh hưởng của quốc gia trong môi trường quốc tế. Vai trò này thể hiện ở khả năng làm cho các giá trị, chính sách và hình ảnh quốc gia trở nên có ý nghĩa và dễ tiếp nhận đối với công chúng quốc tế. Thông qua quá trình lựa chọn nội dung, cách thức diễn giải và phương tiện truyền thông phù hợp, quan hệ công chúng góp phần chuyển hóa thông tin thành sự quan tâm, thiện cảm và mức độ tin cậy. Qua đó, những yếu tố vốn mang tính tiềm năng được củng cố thành ảnh hưởng thực tế, tác động đến thái độ và hành vi của các chủ thể quốc tế, từ đó hỗ trợ mở rộng hợp tác và nâng cao vị thế quốc gia trong quan hệ đối ngoại.

Ba là, quan hệ công chúng góp phần nâng cao năng lực thích ứng của hoạt động đối ngoại trong môi trường truyền thông số. Trong điều kiện không gian truyền thông ngày càng mở rộng với sự tham gia của nhiều chủ thể và nền tảng khác nhau, hoạt động đối ngoại không còn giới hạn trong các kênh chính thức mà chịu tác động trực tiếp từ dư luận quốc tế. Trong bối cảnh đó, quan hệ công chúng giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, tăng cường tính tương tác và kịp thời điều chỉnh thông điệp phù hợp với từng nhóm công chúng. Vai trò này còn thể hiện ở khả năng kết nối các chủ thể truyền thông, điều phối thông điệp và hỗ trợ xử lý các tình huống truyền thông. Qua đó, quan hệ công chúng góp phần nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả vận hành của hoạt động đối ngoại, đồng thời hạn chế các rủi ro truyền thông có thể ảnh hưởng đến hình ảnh quốc gia.

Thực trạng phát huy vai trò của quan hệ công chúng trong xây dựng hình ảnh quốc gia và công tác đối ngoại ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, quan hệ công chúng từng bước được quan tâm và vận dụng trong triển khai công tác đối ngoại, qua đó góp phần tích cực vào việc định hình và quảng bá hình ảnh quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Sự chuyển biến này không chỉ thể hiện ở quy mô hoạt động gia tăng mà quan trọng hơn là ở mức độ gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa truyền thông và các mục tiêu đối ngoại.

Bên cạnh đó, ngoại giao văn hóa và quảng bá hình ảnh quốc gia đã có những bước phát triển rõ nét, góp phần nâng cao mức độ nhận diện và sức hấp dẫn của Việt Nam trên trường quốc tế. Việc các di sản văn hóa của Việt Nam liên tục được UNESCO ghi danh, như thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ hay Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ, không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn mà còn tạo ra hiệu ứng truyền thông tích cực, giúp định vị Việt Nam là một quốc gia giàu bản sắc văn hóa. Song song với đó, các chiến dịch quảng bá du lịch gắn với hình ảnh quốc gia đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên bản đồ du lịch toàn cầu, thể

hiện qua việc nhiều năm liên được vinh danh tại World Travel Awards với các danh hiệu như “Điểm đến hàng đầu châu Á”. “Những kết quả này cho thấy quan hệ công chúng đã đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển hóa tài nguyên văn hóa thành giá trị hình ảnh, “củng cố thương hiệu địa phương, từng bước hình thành thương hiệu quốc gia và quảng bá thương hiệu quốc gia trên trường quốc tế mang đậm bản sắc văn hóa, con người Việt Nam”⁽⁸⁾.

Trong lĩnh vực đối ngoại kinh tế, hoạt động truyền thông ngày càng gắn kết chặt chẽ với mục tiêu nâng cao uy tín và sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Thực tế cho thấy, Việt Nam duy trì được sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt trong các ngành công nghệ cao và chế biến, chế tạo.

Môi trường đầu tư của Việt Nam không chỉ hấp dẫn về chi phí, vị trí địa kinh tế, khả năng tham gia ngày càng sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, mà còn được củng cố bởi hình ảnh quốc gia ngày càng tích cực, trong đó hoạt động truyền thông đối ngoại đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng niềm tin, thu hút và giữ chân các nhà đầu tư quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò của quan hệ công chúng trong xây dựng hình ảnh quốc gia và công tác đối ngoại ở Việt Nam vẫn còn một số hạn chế đáng chú ý.

Một là, nhận thức về vai trò chiến lược của quan hệ công chúng trong một số cơ quan, tổ chức còn chưa đầy đủ. Quan hệ công chúng chưa thực sự được coi là một công cụ mang tính chiến lược trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại.

Hai là, các hoạt động quan hệ công chúng thiếu chiến lược tổng thể về xây dựng và quản trị hình ảnh quốc gia. Truyền thông đối ngoại hiện nay còn phân tán, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể, dẫn đến thông điệp chưa thực sự nhất quán, chưa tạo được dấu ấn nổi bật trên trường quốc tế.

Ba là, nội dung và phương thức truyền thông còn chậm đổi mới so với yêu cầu của môi trường truyền thông số. Việc khai thác các nền tảng truyền thông xã hội mới, đặc biệt là mạng xã hội quốc tế, vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, làm hạn chế khả năng tiếp cận và tương tác với công chúng toàn cầu.

Bốn là, năng lực xử lý khủng hoảng truyền thông quốc gia còn chưa đồng đều. Trong một số trường hợp, phản ứng truyền thông còn chậm hoặc thiếu tính chủ động, dẫn đến việc để thông tin tiêu cực lan rộng trước khi được kiểm soát hiệu quả.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Về khách quan, bối cảnh truyền thông toàn cầu biến đổi nhanh chóng, đặc biệt dưới tác động của công nghệ số và truyền thông xã hội, đã làm gia tăng đáng kể mức độ phức tạp của môi trường truyền thông quốc tế. Điều này đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực quản trị thông tin và truyền thông quốc gia. Về chủ quan, trước hết là do chưa có sự tích hợp chặt chẽ giữa quan hệ công chúng và hoạch định chính sách đối ngoại. Ngoài ra, nguồn lực dành cho hoạt động quan hệ công chúng trong lĩnh vực đối ngoại còn chưa tương xứng. Đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông đối ngoại còn thiếu về số lượng và chưa đồng đều về chất lượng, đặc biệt trong kỹ năng truyền thông quốc tế và xử lý khủng hoảng. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong triển khai hoạt động truyền thông đối ngoại còn thiếu chặt chẽ. Việc phân

công, phân cấp chưa rõ ràng dẫn đến tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót thông tin trong một số trường hợp.

Giải pháp phát huy vai trò của quan hệ công chúng trong xây dựng hình ảnh quốc gia và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại ở Việt Nam

Các giải pháp được đề xuất dựa trên việc khắc phục trực tiếp những hạn chế đã phân tích, đồng thời bảo đảm tính liên kết giữa nhận diện vấn đề và định hướng giải pháp, phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 80-NQ/TW.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò chiến lược của quan hệ công chúng. Hiện nay, quan hệ công chúng thường bị xem là hoạt động hỗ trợ, chưa thực sự tham gia từ khâu hoạch định chính sách. Nghị quyết số 80-NQ/TW đã chỉ rõ, cần “phát huy vai trò quan trọng của văn hóa trong các hoạt động đối ngoại, góp phần xây dựng thương hiệu quốc gia, nâng cao vị thế đất nước”⁽⁹⁾. Do đó, quan hệ công chúng cần đồng hành ngay từ khâu xây dựng thông điệp và định hướng đối ngoại, không chỉ phản ánh mà còn góp phần định hình cách chính sách được tiếp nhận tích cực trên trường quốc tế.

Thứ hai, xây dựng chiến lược tổng thể, dài hạn hình ảnh quốc gia. Hiện tượng phân tán và thiếu đồng bộ trong các hoạt động truyền thông xuất phát từ cơ chế phối hợp chưa chặt chẽ và chưa có định hướng chiến lược rõ ràng. Giải pháp là xác định thông điệp trung tâm, giá trị cốt lõi và cơ chế phối hợp liên ngành, đồng thời đưa văn hóa vào các chương trình hợp tác và hiệp định quốc tế. Điều này giúp “câu chuyện quốc gia” được truyền thông một cách nhất quán, hình thành định vị rõ nét về Việt Nam trong nhận thức quốc tế, tạo sự gắn kết giữa các hoạt động riêng lẻ.

Thứ ba, đổi mới nội dung và phương thức truyền thông để thích ứng với môi trường số. Một số hoạt động truyền thông hiện nay chưa khai thác hiệu quả truyền thông xã hội quốc tế và các nền tảng số. Giải pháp là triển khai truyền thông tương tác đa nền tảng, khai thác kỹ thuật kể chuyện sáng tạo và đa dạng hóa hình thức truyền tải thông điệp. Nghị quyết số 80-NQ/TW nhấn mạnh việc “xây dựng chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài, lấy văn hóa làm nền tảng, triển khai các chiến dịch truyền thông đa phương tiện, đa nền tảng, đa ngôn ngữ”⁽¹⁰⁾, đồng thời ưu tiên các quốc gia là đối tác chiến lược và khu vực có cộng đồng người Việt đông đảo. Yêu cầu đặt ra là vừa nâng cao khả năng tiếp cận, tương tác với công chúng quốc tế, vừa lan tỏa hiệu quả thông điệp về văn hóa và con người Việt Nam.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực quan hệ công chúng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu truyền thông quốc tế. Hạn chế lớn hiện nay là đội ngũ còn thiếu về số lượng và chưa thực sự đáp ứng yêu cầu chuyên môn quốc tế. Do đó cần đầu tư đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng phân tích dư luận, quản trị khủng hoảng, truyền thông đa văn hóa; đồng thời xây dựng đội ngũ chuyên gia quan hệ công chúng có khả năng tham gia hoạch định và triển khai chiến lược đối ngoại.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và nâng cao năng lực quản trị khủng hoảng truyền thông. Sự thiếu đồng bộ trong phối hợp giữa các cơ quan còn làm giảm hiệu quả phản ứng với các tình huống khẩn cấp. Giải pháp là xác định rõ đầu mối điều phối, xây dựng

quy trình phản ứng nhanh, thiết lập hệ thống giám sát và dự báo truyền thông, đồng thời hình thành mạng lưới “đại sứ văn hóa” quốc tế. Việc chuyển từ “xử lý tình huống” sang “quản trị khủng hoảng” giúp nâng cao tính chủ động, đồng thời tận dụng cơ hội quảng bá văn hóa, con người và hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế, gắn với việc “đẩy mạnh đăng cai các sự kiện văn hóa quốc tế, phối hợp giữa truyền thông, ngoại giao văn hóa và xuất khẩu sản phẩm dịch vụ công nghiệp văn hóa”⁽¹¹⁾ theo Nghị quyết.

Tại Việt Nam, quan hệ công chúng đã góp phần quan trọng trong việc quảng bá và định vị hình ảnh quốc gia, đồng thời hỗ trợ kết nối các chiến lược văn hóa và du lịch với đối tượng quốc tế. Việc tích hợp quan hệ công chúng vào hoạch định chính sách đối ngoại, xây dựng chiến lược hình ảnh quốc gia thống nhất và đổi mới phương thức truyền thông, đồng thời khai thác hiệu quả công nghệ số, là sự cụ thể hóa sáng tạo và hiệu quả tinh thần phát triển văn hóa theo định hướng Nghị quyết số 80-NQ/TW.

Trần Thu Thủy - Học viện Ngoại giao

Nguồn: tapchisongsan.org.vn

(1), (2), (3), (8), (9), (10), (11) Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026, của Bộ Chính trị “Về phát triển văn hóa Việt Nam”, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/ngphi-quyet-so-80-nq-tw-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam-119260113133313565.htm>

(5), (7) Xem: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, ngày 6/2/2026, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1213702/toan-van-ngphi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang.aspx>

(4) Grunig, J.E., & Hunt, T.: *Managing Public Relations* (Tạm dịch: Quản trị quan hệ công chúng), Holt, Rinehart and Winston, New York, 1984

(6) Anholt, S.: *Competitive Identity: The New Brand Management for Nations, Cities and Regions* (Tạm dịch: Bản sắc cạnh tranh: Quản trị thương hiệu mới cho các quốc gia, thành phố và khu vực), Palgrave Macmillan, 2007

XÃ, PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA: TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN TỪ CƠ SỞ

Việc xây dựng Đề án thí điểm mô hình “Xã, phường xã hội chủ nghĩa” cho thấy quyết tâm đổi mới phương thức quản trị, hướng tới nền hành chính phục vụ, hiện đại, lấy người dân làm trung tâm của Hà Nội.

Hà Nội đang khẩn trương hoàn thiện Đề án triển khai thí điểm mô hình “Xã, phường xã hội chủ nghĩa” với mục tiêu cao nhất là nâng cao chất lượng sống và hạnh phúc của người dân.

Đây không chỉ là một bước đi mới trong đổi mới quản trị ở cấp cơ sở mà còn là nỗ lực cụ thể hóa những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội ngay tại nơi gần dân nhất, nơi mọi chủ trương, chính sách được chuyển hóa thành những kết quả thiết thực trong đời sống hằng ngày.

Theo định hướng của thành phố, việc xây dựng mô hình được thực hiện trên cơ sở quán triệt chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; đồng thời kế thừa những thành tựu sau 40 năm Đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong đó, quan điểm xuyên suốt là lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển; mọi chính sách đều hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và mức độ hài lòng của nhân dân.

Khác với cách tiếp cận đơn thuần về cải cách hành chính hay hoàn thiện bộ máy, Đề án hướng tới xây dựng một mô hình phát triển toàn diện ở cấp xã, phường, nơi quản trị hiện đại gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và con người. Thành phố xác định quá trình xây dựng Đề án được thực hiện thận trọng, khoa học, bảo đảm tính khả thi, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan Trung ương, chuyên gia, nhà khoa học và lãnh đạo thành phố.

Đến nay, dự thảo Đề án đã được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất thông qua và tiếp tục hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền xem xét. Điểm nổi bật của mô hình là cụ thể hóa tám đặc trưng của xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô.

Các nội dung phát triển không tách rời mà được thiết kế thành một chỉnh thể thống nhất, từ phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn đến xây dựng chính quyền phục vụ, phát huy dân chủ ở cơ sở, phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, xây dựng hạ tầng đồng bộ, bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng-an ninh và thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Theo đó, hệ thống chính trị ở cơ sở sẽ được xây dựng theo hướng vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; người dân được tạo điều kiện tham gia nhiều hơn vào quá trình quyết định, giám sát và đánh giá các chính sách. Cùng với đó là phát triển không gian sống hiện đại, thông minh; xây dựng môi trường sống xanh, an toàn và bền vững; phát huy các giá trị văn hóa Hà Nội thanh lịch, văn minh trong điều kiện phát triển mới.

Một điểm mới đáng chú ý của Đề án là xây dựng hệ thống 54 tiêu chí định lượng để đánh giá mô hình “Xã, phường xã hội chủ nghĩa”. Bộ tiêu chí không chỉ là công cụ theo dõi kết quả

thực hiện mà còn giúp lượng hóa các mục tiêu phát triển, tạo cơ sở đánh giá, kiểm chứng và tổng kết quá trình thí điểm.

Đây cũng là nền tảng để nghiên cứu khả năng nhân rộng mô hình trong thời gian tới. Theo định hướng của thành phố, mọi kết quả triển khai cuối cùng đều được đo bằng chất lượng cuộc sống, mức độ hài lòng và hạnh phúc của người dân. Vì vậy, Đề án không chỉ đặt mục tiêu phát triển kinh tế mà còn hướng tới phát triển bao trùm, bảo đảm công bằng xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Trong quá trình triển khai, Hà Nội xác định người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn trực tiếp tham gia xây dựng mô hình thông qua các cơ chế phản biện, giám sát và đồng hành cùng chính quyền.

Việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân được xem là yếu tố quan trọng để củng cố đồng thuận xã hội, nâng cao hiệu quả quản trị và tạo động lực phát triển từ cơ sở.

Song song với đó, thành phố chủ trương phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh, gia tăng dân số cơ học và yêu cầu chuyển đổi số ngày càng cao, văn hóa và con người được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực nội sinh của phát triển.

Môi trường sống xanh, sạch, an toàn cùng với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hiến, thanh lịch của Thủ đô sẽ là những cấu phần quan trọng của mô hình xã, phường mới.

Việc tổ chức lại không gian phát triển ở cấp cơ sở cũng được gắn với quy hoạch, sử dụng hiệu quả đất đai, hạ tầng và các nguồn lực tại chỗ; đồng thời bảo đảm quốc phòng-an ninh, trật tự an toàn xã hội và an ninh mạng. Thành phố đặt mục tiêu xây dựng các địa bàn cơ sở ổn định, an toàn, văn minh, tạo nền tảng cho đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Đáng chú ý, việc thí điểm sẽ được triển khai theo nguyên tắc không làm phát sinh đầu mối tổ chức trung gian, không làm tăng biên chế; gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ số và đổi mới phương thức quản trị địa phương.

Các tiêu chí, chỉ số đánh giá cùng cơ chế giám sát sẽ được thiết kế rõ ràng nhằm bảo đảm quá trình thí điểm mang lại kết quả thực chất, có thể đo lường và nhân rộng.

Việc xây dựng Đề án thí điểm mô hình “Xã, phường xã hội chủ nghĩa” cho thấy quyết tâm của Hà Nội trong đổi mới phương thức quản trị, hướng tới nền hành chính phục vụ, hiện đại và lấy người dân làm trung tâm.

Nếu được triển khai hiệu quả, mô hình không chỉ góp phần nâng cao chất lượng quản trị ở cấp cơ sở mà còn tạo thêm động lực để xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, giàu bản sắc, nơi các giá trị phát triển được thể hiện bằng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn của mỗi người dân...

Nguồn: vietnamplus.vn

NHẬN DIỆN NHỮNG THỦ ĐOẠN GIEO RẮC HOÀI NGHI VỀ TINH GỌN BỘ MÁY

Nhận thức đúng và triển khai hiệu quả tư duy quản trị quốc gia theo tinh thần Đại hội XIV sẽ góp phần củng cố sự thống nhất trong Đảng, tăng đồng thuận xã hội; tạo nền tảng phát triển nhanh, bền vững.

Việc đổi mới mô hình chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả là yêu cầu cấp thiết nhằm cải cách hành chính và từng bước hiện đại hóa quản trị quốc gia, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình triển khai mô hình mới không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc ban đầu.

Đáng chú ý, các đối tượng thù địch và phần tử cơ hội chính trị đang lợi dụng những khoảng trống, bất cập này để xuyên tạc, thổi phồng; từ đó kích động tâm lý hoài nghi, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào đường lối đổi mới, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Thủ đoạn lấy hiện tượng phóng đại thành bản chất

Tiến sỹ Nguyễn Sĩ Dũng, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội cho rằng, việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp là một cuộc cải cách có quy mô lớn, tác động trực tiếp đến cấu trúc tổ chức bộ máy, phương thức lãnh đạo, phân định thẩm quyền và cung ứng dịch vụ công.

Đây được xem là bước chuyển có ý nghĩa lịch sử trong tiến trình tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia. Những điểm nghẽn này không phải bằng chứng phủ nhận tính đúng đắn của chủ trương, mà là biểu hiện tất yếu của một quá trình chuyển đổi lớn.

Theo Tiến sỹ Nguyễn Sĩ Dũng, các điểm nghẽn hiện nay chủ yếu tập trung ở năm nhóm: Nhận thức, thể chế, năng lực thực thi, hạ tầng số - dữ liệu và tâm lý xã hội - lợi ích cục bộ.

Nếu các điểm nghẽn là những khó khăn khách quan và chủ quan cần được tháo gỡ, thì các luận điệu chống phá lại là cố tình bóp méo những khó khăn đó nhằm phủ nhận chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Điểm nguy hiểm của các luận điệu này là thường bám vào một số hiện tượng có thật, tách khỏi bối cảnh chuyển đổi, phóng đại thành bản chất rồi quy kết chủ quan coi như là sai lầm của đường lối.

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương hai cấp, các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng, tâm lý lo lắng của một bộ phận cán bộ và nhân dân để gieo rắc hoài nghi, kích động bất mãn và chống phá chủ trương cải cách. Họ cho rằng: Mô hình chính quyền địa phương hai cấp là “áp đặt hành chính,” “duy ý chí,” “thiếu cơ sở thực tiễn.”

Thực chất, họ cố tình bỏ qua thực tế rằng mô hình tổ chức bộ máy nhiều tầng nấc, chồng chéo chức năng và phân tán trách nhiệm đã trở thành điểm nghẽn lớn đối với năng lực quản trị quốc gia.

Việc đổi mới mô hình chính quyền địa phương không phải nhằm “giảm cấp” một cách cơ học, mà nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Vì vậy, quy kết mô hình chính quyền địa phương hai cấp là “duy ý chí” thực chất là phủ nhận yêu cầu khách quan của cải cách và hiện đại hóa quản trị quốc gia.

“Tinh gọn bộ máy không phải làm hệ thống yếu đi, mà là làm hệ thống mạnh hơn theo một cách khác: ít tầng nấc hơn nhưng rõ trách nhiệm hơn; ít trung gian hơn nhưng phản ứng nhanh hơn; ít đầu mối hơn nhưng năng lực điều phối cao hơn,” - Tiến sỹ Nguyễn Sĩ Dũng khẳng định.

Cần khẳng định rõ, đổi mới mô hình chính quyền địa phương là quá trình hoàn thiện phương thức vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chứ không phải thay đổi bản chất chế độ. Việc tổ chức bộ máy tinh gọn hơn, hiệu quả hơn và phục vụ nhân dân tốt hơn chính là để thực hiện tốt hơn vai trò lãnh đạo của Đảng và nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà cho biết sau một năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp đã khẳng định tính đúng đắn, sâu sắc, toàn diện, khoa học, biện chứng về chủ trương có tính bước ngoặt lịch sử của Đảng ta.

Toàn quốc đã tiếp nhận trên 42,5 triệu hồ sơ, trong đó tỷ lệ nộp trực tuyến đạt 91,74%; tỷ lệ giải quyết đúng hạn duy trì trên 95%; hơn 16,5 triệu hồ sơ số hóa (đạt gần 95%). Cắt giảm, đơn giản hóa 3.466 thủ tục hành chính và 1.754 điều kiện kinh doanh, góp phần cắt giảm 53% thời gian thực hiện và 54,6% chi phí tuân thủ.

Mức độ hài lòng của người dân đạt 83,08%, đặc biệt 89,09% ý kiến ghi nhận không còn tình trạng công chức sách nhiễu, phiền hà.

Phản bác những quan điểm phiến diện

Tiến sỹ Lê Thị Chiên, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) khẳng định tinh gọn tổ chức bộ máy không phải là “ý muốn chủ quan” của Đảng, cũng không phải “mang tính áp đặt” hoặc là “công cụ” để “thanh trừng bè phái” như các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị thường rêu rao.

Chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy được đưa ra trên cơ sở vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phù hợp với xu thế chung của thế giới và xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp bách của thực tiễn phát triển đất nước trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên phát triển mới.

Ở Việt Nam, chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy không phải là vấn đề mới được đưa ra. Ngày 25/10/2017, Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.”

Sau 7 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Đảng ta đã nhận định tổ chức bộ máy của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội từ

Trung ương đến địa phương được sắp xếp đồng bộ, tinh gọn, giảm nhiều cơ quan, đơn vị cấp Trung ương, cấp tỉnh và đầu mối bên trong; giảm cấp trung gian; từng bước hoàn thiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được rà soát, điều chỉnh, bổ sung rõ ràng hơn; quản lý chặt chẽ, giảm số lượng lớn cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là cấp phó, giảm biên chế; hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức bước đầu được nâng lên. Việc thực hiện thí điểm một số mô hình tổ chức mới và kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đã làm rõ thêm lý luận và thực tiễn về tổ chức bộ máy.

Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, rất cần một bộ máy tinh gọn để “vươn mình” và “cắt cánh”; cần một đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, thành thạo về kỹ năng, đổi mới về tư duy để có thể bắt nhịp nhanh chóng với xu thế thời đại, làm chủ khoa học, công nghệ, tạo ra những đột phá sáng tạo.

Đây là yêu cầu cấp bách đặt ra từ thực tiễn Việt Nam trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên phát triển mới. Theo Tiến sỹ Lê Thị Chiên, chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy ở Việt Nam không phải là “nóng vội,” “chủ quan duy ý chí,” “xuất phát từ ý muốn chủ quan”, mà thật sự là một quyết sách chiến lược đã tạo một cuộc cách mạng toàn diện trong xây dựng hệ thống chính trị khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Chủ trương này cũng là sự hội tụ giữa “ý Đảng” và “lòng dân” với mục tiêu xây dựng một hệ thống chính trị tinh, gọn, nhẹ, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Điều này đã được Đảng ta khẳng định tại Đại hội XIV: Kết quả đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính vừa qua đã đạt được nhiều mục tiêu chiến lược, thực sự là cuộc cách mạng mang tính lịch sử, cho thấy đây là một chủ trương rất đúng đắn, triển khai kịp thời, khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình ủng hộ, dư luận quốc tế đánh giá cao.

Giáo sư, Tiến sỹ Lại Quốc Khánh, Phó Tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương khẳng định, thực tiễn một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp cho thấy, việc đổi mới tổ chức bộ máy cần đi đôi với đổi mới phương thức quản trị.

Thực tế đang chứng minh rằng tinh gọn bộ máy và xây dựng chính quyền địa phương hai cấp không chỉ là yêu cầu đổi mới tổ chức hành chính, mà còn là biểu hiện sinh động của quá trình chuyển đổi từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản trị quốc gia hiện đại.

Ý nghĩa sâu xa của quá trình này nằm ở việc xây dựng một hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, có khả năng thích ứng cao trước những yêu cầu phát triển mới của đất nước và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu, quán triệt và nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng về quản trị quốc gia có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cần nhận thức đầy đủ bản chất, mục tiêu và những giá trị cốt lõi của tư duy quản trị quốc gia; đồng thời chủ động đấu tranh với những cách hiểu giản đơn, phiến diện hoặc các quan điểm xuyên tạc, cố tình đồng nhất quản

trị quốc gia với phi chính trị hóa đời sống xã hội, với kỷ trị thuần túy hoặc với việc phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhận thức đúng và triển khai hiệu quả tư duy quản trị quốc gia theo tinh thần Đại hội XIV sẽ góp phần củng cố sự thống nhất trong Đảng, tăng cường đồng thuận xã hội và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

Nguồn: vietnamplus.vn

TÍN HIỆU VUI TỪ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chỉ trong một tháng triển khai đợt cao điểm phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong năm 2026, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp bộ giảm còn 27,4%; dự kiến tiết kiệm khoảng 23 nghìn tỷ đồng chi phí tuân thủ mỗi năm; cắt giảm 1.754 điều kiện kinh doanh; chi phí tuân thủ giảm 54,6%... Điều đó cho thấy, cải cách thủ tục hành chính không còn là khẩu hiệu hay mục tiêu mà đã hiện thực hóa bởi lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế.

Thực tế cho thấy, điểm nghẽn về thủ tục hành chính là một trong những lực cản rất lớn đối với nền kinh tế. Trong nhiều năm qua, dù đã có những quan tâm, chỉ đạo sát sao, nhưng ở một số lĩnh vực thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, chồng chéo. Điều này dẫn đến doanh nghiệp và người dân không chỉ phải trả các khoản phí, lệ phí theo quy định mà còn phải gánh những “chi phí vô hình”. Đó là chi phí thời gian khi phải đi lại, chờ đợi, chuẩn bị hồ sơ, bổ sung giấy tờ. “Chi phí vô hình”, “chi phí gặm bàn” chính là những khoản chi phí bất hợp lý từ cơ chế “xin - cho” mà người dân, doanh nghiệp phải gánh chịu bởi những thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo chưa được cắt bỏ. Những chi phí gây tổn hại rất lớn tới sức cạnh tranh của nền kinh tế và bào mòn niềm tin của người dân và doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, khi doanh nghiệp không chờ đợi thủ tục thì nguồn lực ấy sẽ sớm dành cho sản xuất, kinh doanh. Thủ tục thông thoáng, dự án được triển khai sớm hơn là thêm cơ hội việc làm cho người lao động, đóng góp cho năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và tăng trưởng của nền kinh tế. Mỗi bộ, ngành lĩnh vực chủ động cắt giảm tối đa thủ tục không cần thiết chính là sự cộng hưởng tích cực tạo sự thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đóng góp tăng trưởng cho nền kinh tế.

Đơn giản, cắt giảm thủ tục hành chính là cần thiết, nhưng quan trọng hơn là người dân và doanh nghiệp có thực sự cảm nhận được sự thay đổi từ cắt giảm thủ tục hành chính hay không. Tránh tình trạng cắt bỏ thủ tục này nhưng lại phát sinh thêm xác nhận mới; thủ tục hành chính đã giảm nhưng thời gian giải quyết thủ tục vẫn kéo dài. Nếu để xảy ra tình trạng này thì những con số về thủ tục cắt giảm không còn mấy ý nghĩa, cải cách rất dễ rơi vào “cắt giảm hình thức”. Do đó, muốn cắt giảm thủ tục hành chính thực chất, trước hết cần thay đổi tư duy quản lý.

Thực tế, có cơ quan quản lý vẫn có xu hướng quản lý bằng tiền kiểm, tức là yêu cầu tổ chức, cá nhân phải xin phép, phải chứng minh đủ điều kiện trước khi được hoạt động. Với cách quản lý này đang tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhưng vô hình trung đẩy cái khó cho người dân, doanh nghiệp. Để cắt giảm thủ tục hành chính thực chất đòi hỏi công tác quản lý phải chuyển mạnh sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro. Đây cũng chính là hướng đi phù hợp với thông lệ quốc tế. Theo đó, Nhà nước xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn rõ ràng, tăng cường ứng dụng công nghệ số để giám sát và chỉ kiểm tra đối với những đối tượng có dấu hiệu rủi ro hoặc vi phạm. Những doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật sẽ được giảm gánh nặng thủ tục, nhưng vẫn bảo đảm được hiệu quả của quản lý nhà nước.

Sẽ không thể coi là cắt giảm thủ tục thủ tục hành chính khi người dân vừa kê khai thông tin trên môi trường số đồng thời vẫn phải kèm theo bản giấy để chứng minh thông tin. Thủ tục hành chính chưa thể cải cách khi dữ liệu thông tin bị cát cứ mà chưa thể làm nguồn dữ liệu dùng chung. Do đó, chuyển đổi số phải trở thành nền tảng của cải cách. Khi các cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối đồng bộ, khi các bộ, ngành và địa phương chia sẻ dữ liệu với nhau, nguyên tắc “một lần khai báo, nhiều lần sử dụng” sẽ trở thành hiện thực. Khi đó, rất nhiều loại giấy xác nhận, bản sao công chứng và thủ tục trung gian sẽ được loại bỏ, người dân, doanh nghiệp không phải gánh chi phí tuân thủ bởi hệ thống dữ liệu được dùng chung. Cùng với đó, có cơ chế “gác cổng” đủ mạnh, phải có cơ chế kiểm soát chặt việc ban hành mới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, xóa bỏ tình trạng cài cắm lợi ích bộ, ngành, địa phương trong các thủ tục hành chính, “kiên quyết không để tình trạng thủ tục hành chính cắt giảm ở văn bản này, nhưng phát sinh điều kiện, giấy phép, yêu cầu mới ở văn bản khác hoặc trong tổ chức thực hiện”.

Đã đến lúc cần cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu với nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh. Nơi nào người dân còn phải đi lại nhiều lần, hồ sơ còn giải quyết chậm, phát sinh thêm giấy tờ ngoài quy định hoặc còn tình trạng những nhiều thì người đứng đầu cơ quan đó phải chịu trách nhiệm và ngược lại. Cần coi đây là tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

Cắt giảm thủ tục hành chính là một việc không dễ dàng. Do đó, cải cách phải được thực hiện kiên trì, liên tục và thực chất, với tinh thần không chỉ cắt giảm thủ tục trên giấy mà phải cắt giảm gánh nặng trong thực tế. Bởi đích đến cuối cùng, thước đo của cải cách chính là sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, chứ không đơn thuần nằm ở con số thủ tục cắt giảm.

Nguồn: daibieunhandan.vn

SẮP XẾP LẠI 705 XÃ, PHƯỜNG: KHÔNG CHỈ ĐỦ CHUẨN MÀ PHẢI NÂNG CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ

Theo chuyên gia, việc sắp xếp 705 xã, phường chưa đạt chuẩn không chỉ để hoàn thiện tiêu chí hành chính, mà còn nhằm nâng chất lượng quản trị và phục vụ người dân.

Sau cuộc sắp xếp đơn vị hành chính quy mô lớn nhất từ trước đến nay, cả nước vẫn còn 705 đơn vị hành chính cấp xã chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

Con số này đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương, nhưng đồng thời cũng gợi mở một vấn đề lớn hơn: đợt sắp xếp tiếp theo sẽ chỉ nhằm hoàn thiện các tiêu chí hành chính, hay hướng tới xây dựng những đơn vị hành chính thực sự đủ năng lực quản trị, tạo động lực phát triển và phục vụ người dân tốt hơn?

705 đơn vị chưa đạt chuẩn

Theo tham luận của Bộ Nội vụ gửi Hội nghị toàn quốc sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cả nước hiện còn 705 đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn.

Trong đó, 17 đơn vị chưa đạt cả hai tiêu chuẩn về diện tích và dân số, 529 đơn vị chưa đạt chuẩn diện tích và 159 đơn vị chưa đạt chuẩn dân số.

Bộ Nội vụ đánh giá việc duy trì các đơn vị hành chính quy mô nhỏ ở một số nơi làm phân tán nguồn lực đầu tư, tăng chi phí quản lý, đồng thời chưa phát huy đầy đủ lợi thế quy mô trong phát triển kinh tế - xã hội và cung ứng dịch vụ công.

Bên cạnh đó, một số địa phương sau sắp xếp vẫn bộc lộ bất cập về không gian phát triển, ảnh hưởng đến quy hoạch, đầu tư hạ tầng và thu hút nguồn lực.

Vì vậy, một trong những nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới là tiếp tục rà soát các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn để nghiên cứu phương án sắp xếp trên cơ sở đánh giá khoa học, thực tiễn và pháp lý, đồng thời tính đến các yếu tố lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo và điều kiện địa lý.

Thực tế sau 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp cho thấy nhu cầu tiếp tục điều chỉnh địa giới hành chính không chỉ xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện các tiêu chuẩn theo quy định, mà còn từ đòi hỏi mở rộng không gian phát triển của nhiều địa phương.

Bí thư Thành ủy Đồng Nai Vũ Hồng Văn cho biết giữa các xã, phường có sự khác biệt lớn về quy mô dân số, mức độ đô thị hóa, khối lượng công việc và dư địa phát triển, nhưng cơ cấu tổ chức, biên chế và cơ chế phân bổ nguồn lực vẫn cơ bản áp dụng theo cùng một mô hình.

Từ đó xuất hiện sự mất cân đối trong sử dụng nguồn lực giữa các địa phương, địa bàn, ảnh hưởng đến hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Ông Vũ Hồng Văn kiến nghị Trung ương cho phép Thành phố Đồng Nai tiếp tục rà soát, đánh giá toàn diện mức độ phù hợp của các đơn vị hành chính cấp xã hiện nay, đề nghị cứu, đề xuất phương án điều chỉnh địa giới, sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã.

Sau khi sắp xếp, sáp nhập, theo ông Vũ Hồng Văn, ngoài việc tiếp tục tinh gọn mô hình tổ chức còn hình thành các không gian phát triển có quy mô lớn, tập trung nguồn lực, mở rộng không gian, tạo dư địa, động lực phát triển, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời số lượng biên chế, nhân sự của các xã, phường sẽ được tăng lên, tạo điều kiện tập trung nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, các chuyên gia trên từng lĩnh vực.

Những người có kinh nghiệm, kỹ năng sẽ tiếp tục tự học tập, đào tạo, đồng thời hướng dẫn, bồi dưỡng cho người chưa quen việc, chưa biết việc. Từ đó từng bước nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ nhân sự ở cấp cơ sở.

“Đây sẽ là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện tổ chức đơn vị hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đồng bộ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đảm bảo dư địa phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở và đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền đô thị trong giai đoạn mới, nhưng không phải tổ chức lại mô hình chính quyền cấp huyện”, Bí thư Thành ủy Đồng Nai nói.

Trả lời phóng viên, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn, Ủy viên Chuyên trách Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội, cho rằng cần nhìn con số 705 đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt chuẩn một cách bình tĩnh, khách quan và toàn diện. Đây không đơn thuần là câu chuyện về diện tích hay quy mô dân số, mà là kết quả của cả một quá trình hình thành địa giới hành chính gắn với điều kiện địa lý, lịch sử, văn hóa, dân cư, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở từng giai đoạn.

Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn dẫn ra nhiều trường hợp cụ thể để lý giải vì sao vẫn còn những đơn vị chưa đạt chuẩn. Có nơi do yếu tố lịch sử để lại; có địa bàn địa hình chia cắt, dân cư phân tán; có nơi gắn với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; cũng có địa phương trong đợt sắp xếp vừa qua phải cân nhắc thận trọng để tránh tạo ra những xáo trộn lớn đối với đời sống người dân.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn, chính vì điều kiện của mỗi địa phương rất khác nhau nên việc tiếp tục sắp xếp không thể chỉ căn cứ vào các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số.

“Muốn hài hòa giữa tiêu chuẩn pháp luật và giá trị đặc thù địa phương, trước hết phải khảo sát thật kỹ đời sống văn hóa - xã hội của từng địa bàn trước khi quyết định phương án sắp xếp. Không thể chỉ nhìn bản đồ hành chính hay bảng số liệu dân số để quyết định”, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn nói.

Ông cũng cho rằng quá trình tham vấn phải được thực hiện một cách thực chất. Người dân ở cơ sở là những người hiểu rõ nhất địa bàn mình sinh sống; nhiều khi một dòng suối, một quả đồi, một con đường, một khu chợ hay một ngôi đình lại có ý nghĩa rất lớn đối với cộng đồng nhưng rất dễ bị bỏ qua nếu chỉ nhìn từ hồ sơ hành chính.

Từ đó, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn nhấn mạnh một nguyên tắc xuyên suốt: “Pháp luật đặt ra tiêu chuẩn chung để bảo đảm tính thống nhất của quản lý Nhà nước, nhưng văn hóa, lịch sử và điều kiện địa phương giúp chúng ta vận dụng tiêu chuẩn ấy một cách mềm mại, hợp lý và bền vững hơn. Quản trị hiện đại không phải là xóa bỏ khác biệt, mà là biết tổ chức sự khác biệt thành nguồn lực phát triển”.

Để thấy rõ hơn vì sao không thể áp dụng một bộ tiêu chí cho mọi địa bàn, ông lấy ví dụ về một xã miền núi có dân số ít nhưng địa bàn rộng, giao thông khó khăn và dân cư sinh sống phân tán. Nếu sáp nhập chỉ để đáp ứng tiêu chuẩn về dân số hoặc diện tích, người dân có thể phải đi lại xa hơn để giải quyết thủ tục hành chính, chính quyền khó bám sát cơ sở hơn và dịch vụ công cũng khó tiếp cận hơn. Khi đó, việc “đạt chuẩn” về mặt số liệu lại có thể làm giảm hiệu quả quản trị trong thực tế.

Với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bản làng không chỉ là nơi ở mà còn là không gian lưu giữ bản sắc văn hóa. Bản làng không chỉ là nơi ở mà còn là nơi lưu giữ tiếng nói, lễ hội, tri thức bản địa và phương thức ứng xử với thiên nhiên. Vì vậy, việc sắp xếp hành chính cần hết sức thận trọng để không làm đứt gãy những cấu trúc văn hóa đã được hình thành qua nhiều thế hệ.

Lấy người dân làm thước đo của đợt sắp xếp tiếp theo

Từ những phân tích trên, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn cho rằng đợt sắp xếp tiếp theo không nên chỉ được nhìn như bước tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn về diện tích và dân số. Điều quan trọng hơn là phải tạo ra những đơn vị hành chính có năng lực quản trị tốt hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Muốn vậy, bài học đầu tiên cần rút ra từ đợt sắp xếp vừa qua là phải tránh tư duy cơ học trong tổ chức đơn vị hành chính.

“Nếu chỉ cộng dân số, cộng diện tích, ghép địa giới rồi đổi tên đơn vị hành chính, chúng ta mới làm được phần “hình thức” của sắp xếp, chứ chưa chắc đã tạo ra được một thiết chế quản trị vận hành tốt hơn”, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn nói.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn, thành công của cải cách không nên được đo bằng số lượng đơn vị hành chính giảm đi hay số xã đạt chuẩn tăng lên, mà phải được đánh giá từ hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở sau sắp xếp.

Điều quan trọng là bộ máy có vận hành thông suốt hơn hay không, người dân có được phục vụ thuận tiện hơn hay không và địa phương có thêm dư địa để phát triển hay không.

Cũng từ góc nhìn đó, theo Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn, mỗi phương án điều chỉnh địa giới cần trả lời được những câu hỏi rất cụ thể: người dân được lợi gì, việc tiếp cận dịch vụ công có thuận tiện hơn không và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân có được bảo đảm tốt hơn không?

Để đạt được mục tiêu đó, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn cho rằng cùng với việc tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính, cần đặc biệt quan tâm đến chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã.

Việc bố trí nhân sự không thể chỉ là “ghép cơ học” đội ngũ cũ vào đơn vị mới mà phải dựa trên năng lực, sở trường, phẩm chất và khả năng thích ứng của từng cán bộ.

Trong bối cảnh chính quyền cấp xã đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ hơn trước, cán bộ cơ sở không chỉ cần nắm vững chuyên môn mà còn phải có năng lực số, năng lực đối thoại với người dân, khả năng vận động quần chúng và xử lý các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở.

Muốn cải cách thành công thì đồng thuận xã hội là điều kiện không thể thiếu. Theo ông Sơn, địa giới hành chính không chỉ là đường ranh trên bản đồ mà còn gắn với ký ức, tên gọi, nếp sống và không gian văn hóa của cộng đồng.

Vì vậy, quá trình sắp xếp phải được thực hiện trên tinh thần đối thoại, giải thích và lắng nghe để người dân hiểu rằng mục tiêu của cải cách không phải xóa đi bản sắc của một vùng đất, mà là tạo điều kiện để vùng đất ấy phát triển tốt hơn.

Ở góc độ tổ chức thực hiện, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn cho rằng việc tiếp tục điều chỉnh địa giới hành chính cần được triển khai trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau hơn 1 năm thực hiện.

Vị chuyên gia này cho rằng không nên triển khai đồng loạt theo cùng một cách đối với tất cả các địa phương. Những nơi có điều kiện thuận lợi, phương án rõ ràng và sự đồng thuận cao có thể thực hiện trước; trong khi những địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo hay quốc phòng - an ninh cần được nghiên cứu kỹ để lựa chọn lộ trình phù hợp.

Dù thực hiện theo phương án nào, một nguyên tắc phải được bảo đảm là không để việc sắp xếp làm gián đoạn quá trình phục vụ người dân. “Người dân không thể là người phải gánh chi phí của sự thay đổi hành chính. Càng sắp xếp, chính quyền càng phải gần dân hơn, phục vụ tốt hơn, giải quyết công việc nhanh hơn”, ông Bùi Hoài Sơn nêu rõ.

Từ những bài học rút ra sau 1 năm triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Bùi Hoài Sơn cho rằng bài học lớn nhất là sắp xếp tổ chức hành chính phải đi cùng đổi mới quản trị.

Nếu chỉ giảm đầu mối mà không nâng cao năng lực vận hành, không cải thiện chất lượng phục vụ, không phân định rõ trách nhiệm, không trao đủ nguồn lực cho cơ sở thì mục tiêu tinh gọn sẽ chưa thể chuyển hóa thành hiệu quả thực chất.

Nguồn: vtcnews.vn

NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ THƯỜNG KỲ THÁNG 6/2026 VÀ HỘI NGHỊ CHÍNH PHỦ VỚI ĐỊA PHƯƠNG

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 180/NQ-CP phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

Nghị quyết nêu rõ: Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục biến động phức tạp, khó đoán định, tác động đến triển vọng tăng trưởng toàn cầu... Ở trong nước, nền kinh tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ cả những yếu tố bất lợi bên ngoài, cùng với những khó khăn nội tại chưa khắc phục hoàn toàn và những vấn đề phát sinh; tình hình thiên tai, thời tiết cực đoan tiềm ẩn rủi ro sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh năng lượng, tạo áp lực đến ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng trưởng, các cân đối lớn của nền kinh tế và công tác quản lý, điều hành.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các thành viên Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quán triệt nghiêm, triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030; các Kết luận của Trung ương, nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là 10 nghị quyết đột phá, chiến lược của Bộ Chính trị, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đồng thời, tập trung quán triệt chỉ đạo tại Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm để cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm theo tiến độ từng tháng, quý, xác định rõ cơ quan chủ trì, người chịu trách nhiệm và công khai kết quả thực hiện; phát huy hiệu quả thể chế, chính sách, giải pháp mới ban hành; "*hành động, hành động và hành động; làm việc, làm việc và làm việc*", phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ít nhất 10%; bảo đảm tiến độ và chất lượng các dự án, công trình trọng điểm

Trong đó, tập trung giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ít nhất 10%. Khẩn trương rà soát, cập nhật, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng của toàn bộ ngành, lĩnh vực, địa phương. Điều hành đồng bộ chính sách tài khóa, tiền tệ; hướng tín dụng vào sản xuất, xuất khẩu, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, đổi mới sáng tạo, nhà ở và hạ tầng thiết yếu; kiểm soát đầu cơ, nợ xấu, bảo đảm lành mạnh hoạt động ngân hàng và kiểm soát rủi ro hệ thống.

Quản lý chặt chẽ tài chính - ngân sách nhà nước, chống thất thu, lạm thu, nuôi dưỡng nguồn thu, nhất là khu vực hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ; chống chuyển giá và lũng

phí. Sớm đưa Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam vào hoạt động; khẩn trương xây dựng khu kinh tế đặc biệt tại một số địa phương trọng điểm.

Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ và bảo đảm chất lượng các dự án, công trình quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, hạ tầng chiến lược, các công trình có sức lan tỏa cao, nhất là đường sắt, đường bộ, hàng không, năng lượng, nông nghiệp, hạ tầng số quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia.

Triển khai thí điểm chấm điểm thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công định kỳ hằng tháng tiến tới triển khai chính thức từ tháng 10/2026, làm cơ sở phân bổ vốn đầu tư công các năm tới, phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch. Khẩn trương triển khai thực hiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng kéo dài thuộc thẩm quyền và quy định pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài chính tổng hợp, cập nhật để theo dõi tiến độ.

Phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược; bảo đảm tiến độ hoàn thành, triển khai, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia

Khơi thông động lực tăng trưởng truyền thống, tạo đột phá động lực tăng trưởng mới. Chú trọng phát triển cả 3 khu vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Hoàn thành điều chỉnh các quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết ngành đúng tiến độ. Khai thác hiệu quả không gian phát triển mới; không gian đô thị cao tầng tại khu vực phù hợp, không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian số, không gian biển. Phát triển kinh tế biển theo chiều sâu, khai thác bền vững các ngành kinh tế biển mới như điện gió ngoài khơi, nuôi biển công nghệ cao, công nghệ sinh học biển, khử mặn, tín chỉ carbon xanh và phục hồi hệ sinh thái biển.

Đẩy mạnh triển khai nhiệm vụ phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược; ưu tiên các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ lõi. Xây dựng hạ tầng số, phát triển nền tảng số quốc gia; bảo đảm tiến độ hoàn thành, triển khai, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, trung tâm dữ liệu lớn kết nối liên thông, tích hợp, tăng cường chia sẻ, khai thác gắn với bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh an toàn hệ thống thông tin, phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, sản phẩm, chuỗi cung ứng; khai thác cơ hội từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm, chiến lược và các FTA đã ký; thúc đẩy đàm phán, ký kết các FTA mới. Phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm, hỗ trợ doanh nghiệp xử lý phòng vệ thương mại, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn xanh, ngăn chặn gian lận xuất xứ.

Tăng cường phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng... Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; thu hút FDI có chọn lọc, ưu tiên dự án có công nghệ, liên kết với doanh nghiệp Việt Nam đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ.

Ban hành 22 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 trở về trước

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng, thi hành pháp luật. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội tại Kỳ họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8/2026; dự án luật, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026 có thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tháng 7 để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành 22 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 trở về trước. Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch; xử lý các quy định chồng chéo, nhất là về đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đấu thầu, môi trường, tài sản công và phân cấp.

Tiếp tục xây dựng Đảng bộ, các cấp ủy và hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nhất là đơn vị sự nghiệp công lập các bộ, ngành, địa phương, tổ chức bộ máy bên trong, bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, khắc phục tình trạng cắt khúc, phân mảnh trong quản lý nhà nước. Sắp xếp, điều chỉnh đơn vị hành chính cấp xã theo chủ trương của Bộ Chính trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Tập trung thực hiện 11 Nghị quyết về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Khẩn trương hoàn thành đề án, nhiệm vụ đã quá hạn, khắc phục tình trạng nợ đọng.

Tổ chức các hoạt động tri ân, đền ơn, đáp nghĩa nhân ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7

Triển khai đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2026. Tổ chức các hoạt động ý nghĩa, thiết thực tri ân, đền ơn, đáp nghĩa nhân kỷ niệm 79 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7. Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, ký túc xá công nhân tại các khu công nghiệp, đô thị lớn. Triển khai tích cực Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị; đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đào tạo lại, nâng cao kỹ năng, hỗ trợ chuyển đổi nghề. Tổ chức các hoạt động vui hè; phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước và bảo đảm an toàn cho trẻ em, học sinh trong thời gian không đến trường.

Chủ động, quyết liệt, kịp thời ứng phó, kiểm soát, xử lý hiệu quả các bệnh truyền nhiễm mới nổi và thường gặp vào mùa nắng nóng; bảo đảm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế phục vụ khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Chủ động phòng chống, ứng phó với thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, bão lũ, sạt lở..., nhất là tại đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung, Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, vùng ven biển và các đô thị lớn. Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội; đẩy nhanh tiến độ xây dựng chương trình, đề án, cơ chế, chính sách trọng điểm về phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa.

Xây dựng kế hoạch năm 2027 ngay từ quý III/2026; chấm dứt tình trạng nêu khó khăn nhưng không có phương án xử lý

Làm tốt công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên, nhất là người đứng đầu đủ năng lực, ngang tầm nhiệm vụ; thực hiện đúng quy định về tiếp công dân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tiễn các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh trật tự. Củng cố vững chắc tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ; thúc đẩy hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ nguồn; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết, chuyển hóa thành nguồn lực phục vụ phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

Xây dựng kế hoạch năm 2027 ngay từ quý III/2026, đặt trong tầm nhìn cả giai đoạn 2026 - 2030 trên cơ sở giao chỉ tiêu cụ thể và dựa trên đánh giá đúng các điểm nghẽn, có kịch bản điều hành cụ thể, xác định sớm ưu tiên chính sách, nhiệm vụ, nguồn lực.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THÍ ĐIỂM THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Ngày 06/7/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu ký Quyết định số 1205/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm thực hiện việc đánh giá, chấm điểm về công tác xây dựng pháp luật.

Đề án thí điểm thực hiện việc đánh giá, chấm điểm (KPI) về công tác xây dựng pháp luật với mục tiêu theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả triển khai nhiệm vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, cơ quan ngang bộ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, tiến độ, chất lượng công tác xây dựng pháp luật.

Chấm điểm các cơ quan xây dựng, ban hành 3 nhóm văn bản quy phạm pháp luật

Theo Quyết định, việc thí điểm đánh giá, chấm điểm áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng, ban hành 03 nhóm văn bản quy phạm pháp luật (trừ các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi bí mật nhà nước), bao gồm:

- Các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình theo Chương trình lập pháp hằng năm.
- Các văn bản quy định chi tiết được Thủ tướng Chính phủ phân công.
- Các văn bản quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết (văn bản ban hành theo thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hằng năm.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ thống nhất danh mục văn bản quy phạm pháp luật được đánh giá, chấm điểm của các kỳ đánh giá trong giai đoạn thí điểm.

Chỉ số đánh giá, chấm điểm, thang điểm và cách thức chấm điểm

Chỉ số đánh giá, chấm điểm (KPI) về công tác xây dựng pháp luật gồm 06 nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm theo quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

1. Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Nhóm tiêu chí này gồm 02 tiêu chí thành phần:

a) Tiêu chí đánh giá, chấm điểm tiến độ trình, ban hành hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

- Thang điểm (từ 0 đến 50 điểm)

+ Đối với các hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật từ quyết định của Thủ tướng Chính phủ trở lên thì chấm điểm thời hạn trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo văn bản phân công của cơ quan có thẩm quyền với thang điểm chấm cụ thể như sau:

Mỗi hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được trình trước và đúng thời hạn chấm 50 điểm.

Trường hợp trình quá hạn từ 01 ngày đến 10 ngày chấm 40 điểm; quá hạn từ 11 ngày đến 20 ngày chấm 30 điểm; quá hạn từ 21 ngày đến 30 ngày chấm 20 điểm; quá hạn từ 31 ngày đến 40 ngày chấm 10 điểm; quá hạn từ 41 ngày trở lên chấm 0 điểm.

+ Đối với thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấm điểm như sau:

Mỗi thông tư, thông tư liên tịch quy định chi tiết được ban hành đảm bảo có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của nội dung giao quy định chi tiết trong luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấm 50 điểm.

Trường hợp có hiệu lực chậm hơn từ 01 ngày đến 10 ngày chấm 40 điểm; chậm hơn từ 11 ngày đến 20 ngày chấm 30 điểm; chậm hơn từ 21 ngày đến 30 ngày chấm 20 điểm; chậm hơn từ 31 ngày đến 40 ngày chấm 10 điểm; chậm hơn từ 41 ngày trở lên chấm 0 điểm.

Trường hợp phát sinh nhiệm vụ xây dựng, ban hành văn bản mà chưa có trong danh mục văn bản quy phạm pháp luật được đánh giá, chấm điểm thì được cộng điểm thưởng vào điểm đánh giá tiêu chí xem xét, đánh giá tiến độ trình, ban hành hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nhưng tổng điểm tối đa không quá 50 điểm.

Trường hợp hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền cho phép rút khỏi Chương trình hoặc kế hoạch do nguyên nhân khách quan hoặc thấy chưa cần thiết phải ban hành thì không đánh giá, chấm điểm đối với văn bản đó.

Trường hợp trong kỳ đánh giá, chấm điểm không có nhiệm vụ xây dựng, ban hành hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản nào thì không thực hiện đánh giá, chấm điểm đối với nhóm tiêu chí này.

- Cách thức chấm điểm

+ Cơ quan thực hiện việc chấm điểm tiến độ trình, ban hành hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Bộ Tư pháp.

+ Điểm đánh giá của tiêu chí tiến độ đối với mỗi bộ, cơ quan ngang bộ được tính bằng trung bình cộng điểm đánh giá tiến độ của tất cả các văn bản do cơ quan đó chủ trì trong kỳ đánh giá, chấm điểm.

+ Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ hướng dẫn cách tính điểm thường, việc xác định các trường hợp ngoại lệ khác (nếu có).

b) Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chất lượng của hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

- Thang điểm (từ 0 đến 50 điểm)

+ Trường hợp hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan chủ trì soạn thảo bảo đảm chất lượng (không thuộc các trường hợp bị trừ điểm chất lượng) chấm 50 điểm.

+ Trường hợp hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan chủ trì soạn thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định nhưng Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp kết luận chưa đủ điều kiện trình, văn bản đó bị trừ 20 điểm.

+ Trường hợp hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua do chưa bảo đảm về nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, văn bản đó bị trừ 20 điểm.

+ Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có sai sót và phải đính chính sau khi ban hành, văn bản đó bị trừ 20 điểm.

+ Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành bị cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm ngưng hiệu lực thi hành, đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung do trái pháp luật, văn bản đó bị chấm 0 điểm. Trường hợp văn bản đã được ban hành và được đánh giá, chấm điểm ở kỳ đánh giá trước nhưng tại kỳ đánh giá sau cơ quan có thẩm quyền mới quyết định tạm ngưng hiệu lực thi hành, đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung do trái pháp luật và có lỗi của cơ quan chủ trì soạn thảo thì văn bản đó tiếp tục được đánh giá, chấm điểm tại kỳ có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

+ Trường hợp hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản không được thông qua hoặc sau khi ban hành phải đính chính, bị tạm ngưng hiệu lực thi hành, đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung do trái pháp luật mà do nguyên nhân khách quan (do thay đổi chính sách trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc thay đổi, chủ trương, chính sách của Đảng hoặc hoàn toàn do lỗi của cơ quan khác) thì không bị trừ điểm.

+ Trường hợp hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền cho phép rút khỏi Chương trình hoặc kế hoạch do nguyên nhân khách quan hoặc thấy chưa cần thiết phải ban hành thì không đánh giá, chấm điểm đối với văn bản đó trong kỳ đánh giá, chấm điểm.

+ Trường hợp trong kỳ đánh giá, chấm điểm không có nhiệm vụ xây dựng, ban hành hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản nào thì không thực hiện đánh giá, chấm điểm đối với nhóm tiêu chí này.

- Cách thức chấm điểm

+ Cơ quan thực hiện việc chấm điểm chất lượng của hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Bộ Tư pháp.

+ Điểm của tiêu chí chất lượng đối với mỗi bộ, cơ quan ngang bộ được tính bằng trung bình cộng điểm chất lượng của tất cả các văn bản do cơ quan đó chủ trì trong kỳ đánh giá, chấm điểm.

+ Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất thực hiện; xác định các trường hợp ngoại lệ (nếu có).

c) Hệ số điều chỉnh theo số lượng văn bản (Hệ số K) và cách thức tổng hợp, xác định điểm của nhóm tiêu chí tại Mục 1 Phần II.

- K là hệ số điều chỉnh theo từng kỳ đánh giá, chấm điểm do Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ xác định, công bố công khai để bảo đảm công bằng, khách quan tương đối trong việc đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Điểm đánh giá tiêu chí tại Mục 1 là tổng điểm chấm của điểm a và điểm b của Mục 1 sau đó nhân với hệ số K tương ứng của kỳ đánh giá, chấm điểm, nhưng tối đa không quá 100 điểm.

2. Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm Bộ Tư pháp trong việc thẩm định hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Nhóm tiêu chí này gồm 02 tiêu chí thành phần:

a) Tiêu chí đánh giá, chấm điểm tiến độ thẩm định của Bộ Tư pháp

- Thang điểm (từ 0 đến 50 điểm)

Mỗi văn bản thẩm định hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước và đúng thời hạn chấm 50 điểm.

Trường hợp quá hạn từ 01 - 03 ngày chấm 40 điểm; quá hạn từ 04 - 06 ngày chấm 30 điểm; quá hạn từ 07 ngày trở lên chấm 0 điểm.

Không đánh giá, chấm điểm trong trường hợp phải thực hiện thẩm định gấp theo chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ.

- Về cách thức chấm điểm

+ Cơ quan thực hiện việc chấm điểm tiến độ thẩm định của Bộ Tư pháp: Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

+ Điểm chấm kết quả thẩm định tại mục này là điểm trung bình cộng của các văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp trong kỳ đánh giá, chấm điểm (tổng điểm thẩm định với các văn bản/tổng số văn bản phải thẩm định).

+ Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất cách thức thực hiện và xác định các trường hợp ngoại lệ (nếu có).

b) Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chất lượng thẩm định của Bộ Tư pháp

- Thang điểm (từ 0 đến 50 điểm)

+ Mỗi văn bản thẩm định hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm chất lượng (không thuộc các trường hợp phải trừ điểm dưới đây) chấm 50 điểm.

+ Trường hợp Báo cáo thẩm định thiếu một trong các nội dung bắt buộc theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này thì mỗi nội dung thiếu bị trừ 10 điểm.

+ Trường hợp sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và gửi lại hồ sơ theo quy định để Bộ Tư pháp rà soát trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhưng Bộ Tư pháp không có ý kiến bằng văn bản hoặc có ý kiến không rõ ràng về việc đồng ý hay không đồng ý đối với nội dung tiếp thu, giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo về các vấn đề đã được nêu trong Báo cáo thẩm định bị trừ 20 điểm.

+ Trường hợp nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ sau khi ban hành bị sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành, tạm ngưng hiệu lực hoặc bãi bỏ do trái pháp luật mà trong quá trình thẩm định Bộ Tư pháp không phát hiện ra hoặc có nguyên nhân trực tiếp từ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp bị trừ 20 điểm.

+ Trường hợp đã chấm điểm thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ ở kỳ đánh giá, chấm điểm trước nhưng đến kỳ đánh giá, chấm điểm sau mới có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về nội dung trái pháp luật và có lỗi của Bộ Tư pháp trong quá trình thẩm định thì văn bản đó tiếp tục được đánh giá, chấm điểm và trừ điểm tại kỳ đánh giá, chấm điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

+ Không chấm điểm đối với trường hợp phải thẩm định gấp theo chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ.

+ Không trừ điểm chất lượng thẩm định của Bộ Tư pháp trong các trường hợp sau:

Trường hợp các vấn đề phát sinh đã được Bộ Tư pháp nêu rõ trong Báo cáo thẩm định nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định theo phương án khác;

Trường hợp văn bản bị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ hoặc đình chỉ thi hành, tạm ngưng hiệu lực do trái pháp luật mà nội dung liên quan trực tiếp đến lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tham gia thẩm định đã được nêu tên cụ thể trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này nhưng khi thẩm định lại không có ý kiến về vấn đề này hoặc có nguyên nhân trực tiếp từ ý kiến thẩm định của các cơ quan đó;

Trường hợp Báo cáo thẩm định thiếu một trong các nội dung bắt buộc xuất phát từ nguyên nhân do các bộ có trách nhiệm thẩm định không tham gia thẩm định và không có ý kiến bằng văn bản đúng hạn.

- Cách thức chấm điểm

- + Cơ quan thực hiện việc chấm điểm chất lượng thẩm định của Bộ Tư pháp: Văn phòng Chính phủ.

- + Điểm của tiêu chí chất lượng thẩm định của Bộ Tư pháp được tính bằng trung bình cộng điểm chất lượng của tất cả các văn bản do Bộ Tư pháp thẩm định trong kỳ đánh giá, chấm điểm.

- + Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất thực hiện; xác định các trường hợp ngoại lệ khác (nếu có).

c) Cách thức tổng hợp, xác định điểm của nhóm tiêu chí tại Mục 2 Phần II.

Điểm đánh giá tiêu chí tại Mục 2 là tổng điểm chấm tại điểm a và điểm b của Mục 2.

3. Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ đã được nêu tên cụ thể trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

a) Thang điểm (từ 0 đến 100 điểm)

- Các bộ, cơ quan ngang bộ tham gia đầy đủ cuộc họp thẩm định hoặc có văn bản tham gia ý kiến thẩm định đúng thời hạn đối với hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được chấm 100 điểm.

- Trường hợp nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ sau khi ban hành bị sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành, tạm ngưng hiệu lực hoặc bãi bỏ do có nội dung trái pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm thẩm định của bộ, cơ quan ngang bộ mà trong quá trình thẩm định, cơ quan đó không phát hiện ra hoặc có nguyên nhân trực tiếp từ ý kiến thẩm định của cơ quan đó thì trừ 20 điểm.

Phạm vi trách nhiệm thẩm định của bộ, cơ quan ngang bộ được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

- Trường hợp không tham gia cuộc họp thẩm định hoặc không có ý kiến thẩm định bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu thì bị chấm 0 điểm.

- Trường hợp đã chấm điểm thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ đối với dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ ở kỳ đánh giá, chấm điểm trước nhưng đến kỳ đánh giá, chấm điểm sau mới có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về nội dung trái pháp luật và có lỗi của các bộ, cơ quan ngang bộ trong quá trình thẩm định thì văn bản đó tiếp tục được đánh giá, chấm điểm và trừ điểm tại kỳ đánh giá, chấm điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

- Không chấm điểm hoặc không trừ điểm thẩm định đối với các trường hợp sau:

+ Các trường hợp phải thẩm định gấp theo chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ thì không chấm điểm;

+ Các bộ, cơ quan ngang bộ đã có ý kiến thẩm định nhưng không được tổng hợp trong Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp hoặc ý kiến thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ là đúng nhưng Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp nêu không đúng ý kiến thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ thì bộ, cơ quan ngang bộ đó không bị trừ điểm;

+ Trường hợp các vấn đề phát sinh đã được nêu rõ trong Báo cáo thẩm định nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định theo phương án khác thì bộ, cơ quan ngang bộ đó không bị trừ điểm.

b) Cách thức chấm điểm

- Cơ quan thực hiện việc chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc phối hợp với Bộ Tư pháp tham gia thẩm định đối với hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Bộ Tư pháp.

- Điểm chấm của mục này là điểm trung bình cộng của các hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mà các bộ, cơ quan ngang bộ phải tham gia trong kỳ đánh giá, chấm điểm (tổng điểm chấm tham gia thẩm định đối với các hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật/tổng số hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật).

- Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất thực hiện và xác định các trường hợp ngoại lệ khác (nếu có).

4. Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc trả lời phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ đối với hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

a) Thang điểm (từ 0 đến 100 điểm)

Mỗi hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trả lời phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ trước và đúng thời hạn theo Quy chế làm việc của Chính phủ chấm 100 điểm.

Trường hợp quá hạn từ 01 - 03 ngày chấm 90 điểm; quá hạn từ 04 - 06 ngày chấm 80 điểm; quá hạn từ 07 ngày trở lên hoặc không có ý kiến chấm 0 điểm.

Không đánh giá, chấm điểm trong trường hợp phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ đối với hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có thời hạn ngắn hơn so với thời hạn tối thiểu trong Quy chế làm việc của Chính phủ.

b) Về cách thức chấm điểm

- Cơ quan thực hiện chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc trả lời phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ: Văn phòng Chính phủ.

- Điểm chấm của mục này là điểm trung bình cộng của các văn bản trả lời phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ trong kỳ đánh giá, chấm điểm (tổng điểm của các văn bản trả lời/tổng số văn bản phải trả lời phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ).

- Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất thực hiện và xác định các trường hợp ngoại lệ (nếu có).

5. Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm Văn phòng Chính phủ về tiến độ xử lý hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

a) Thang điểm (từ 0 đến 100 điểm)

Mỗi hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xử lý, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước và đúng thời hạn theo Quy chế làm việc của Chính phủ chấm 100 điểm.

Trường hợp quá hạn từ 01 - 03 ngày chấm 90 điểm; quá hạn từ 04 - 06 ngày chấm 80 điểm; quá hạn từ 07 ngày trở lên chấm 0 điểm.

b) Về cách thức chấm điểm

- Cơ quan thực hiện chấm điểm Văn phòng Chính phủ về tiến độ xử lý hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Điểm chấm của mục này là điểm trung bình cộng của tất cả các hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản được xử lý, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (tổng điểm xử lý hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản/tổng số hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản được xử lý, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

- Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất thực hiện và xác định các trường hợp ngoại lệ (nếu có).

6. Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ về việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ

a) Thang điểm (từ 0 đến 100 điểm)

Mỗi văn bản giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ trước và đúng thời hạn chấm 100 điểm.

Trường hợp quá hạn từ 01 - 03 ngày chấm 90 điểm; quá hạn từ 04 - 06 ngày chấm 80 điểm; quá hạn từ 07 ngày trở lên chấm 0 điểm.

- Các trường hợp không chấm điểm hoặc điều chỉnh thời hạn để chấm điểm:

+ Đối với các trường hợp vì lý do khách quan, cơ quan chủ trì đã có báo cáo và được lãnh đạo Chính phủ cho lùi thời hạn trình thì thời hạn đánh giá, chấm điểm được tính lại theo thời hạn đã được điều chỉnh.

+ Trường hợp nhận được ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ nhưng đã quá hạn thì không thực hiện việc chấm điểm.

+ Trường hợp phải phối hợp với nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan khác theo chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ mà các cơ quan này không gửi ý kiến đúng hạn thì không thực hiện việc chấm điểm.

b) Về cách thức chấm điểm

- Cơ quan thực hiện chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ: Văn phòng Chính phủ.

- Điểm chấm của mục này là điểm trung bình cộng của tất cả các hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện theo chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ (tổng điểm giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ/tổng số hồ sơ, dự án, dự thảo văn bản phải chỉnh lý, hoàn thiện).

- Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất thực hiện và xác định các trường hợp ngoại lệ khác (nếu có).

Nguồn: baochinhphu.vn

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC XÉT TUYỂN, ƯU TIÊN VÀ TIẾP NHẬN VÀO VIÊN CHỨC

Chính phủ ban hành Nghị định số 259/2026/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Trong đó, đáng chú ý là quy định về các trường hợp được xét tuyển, ưu tiên và tiếp nhận vào viên chức.

Nghị định này quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, thành lập của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Đối tượng áp dụng bao gồm:

1. Viên chức quy định tại Điều 1 Luật Viên chức số 129/2025/QH15.

2. Cơ quan quản lý viên chức, bao gồm: Văn phòng Trung ương Đảng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các Ban Đảng Trung ương, cơ quan có thẩm quyền khác của Đảng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán nhà nước; Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ, cơ quan ngang bộ; tổ chức do cấp có thẩm quyền thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp được giao thẩm quyền quản lý viên chức quy định tại Điều 40 Luật Viên chức số 129/2025/QH15); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc được giao trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập), bao gồm: Cơ quan quản lý viên chức quy định tại khoản 2 nêu trên trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc cơ quan mình; cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan quản lý viên chức quy định tại khoản 2 nêu trên trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan mình.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Các trường hợp thực hiện xét tuyển viên chức

Nghị định quy định việc tuyển dụng viên chức thông qua hình thức xét tuyển do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

1. Người cam kết tình nguyện làm việc từ đủ 03 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong lĩnh vực y tế, giáo dục và các lĩnh vực cơ bản, thiết yếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

3. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có tài năng thuộc đối tượng thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của Chính phủ hoặc quy định của cơ quan quản lý viên chức.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực.

Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

Nghị định quy định đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển cụ thể như sau:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số; sĩ quan quân đội, quân nhân chuyên nghiệp phục viên; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân xuất ngũ; người làm công tác cơ yếu chuyển ngành; học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945, con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; công nhân, viên chức quốc phòng thôi việc còn trong độ tuổi lao động; đội viên thanh niên xung phong,

trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các khu kinh tế quốc phòng sau khi hoàn thành nhiệm vụ tham gia dự án: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân theo quy định của cấp có thẩm quyền: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả vòng 2.

Bổ sung đối tượng tiếp nhận viên chức là chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân tiêu biểu

Về tiếp nhận vào viên chức, Điều 15 Nghị định này đã bổ sung đối tượng tiếp nhận viên chức là chuyên gia, nhà khoa học, luật gia, luật sư giỏi, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài khu vực công lập phù hợp với quy định của Luật Viên chức trong việc thực hiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và người có kinh nghiệm, đáp ứng ngay yêu cầu công việc vào làm việc; bỏ đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã để phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2025.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Nguồn: baohinhphu.vn

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN “KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG MẬT MÃ DÂN SỰ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035”

Phó Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Giang ký Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 07/7/2026 phê duyệt Đề án “Khuyến khích xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng mật mã dân sự giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035” (Đề án).

Mục tiêu của Đề án là Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mật mã dân sự; huy động hiệu quả nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo tham gia phát triển công nghệ mật mã; từng bước làm chủ một số công nghệ mật mã cốt lõi; hình thành hệ sinh thái mật mã dân sự “Make in Vietnam” có năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và góp phần giữ vững chủ quyền số quốc gia.

Đến năm 2030 từng bước làm chủ một số công nghệ mật mã cốt lõi

Đề án đặt mục tiêu đến năm 2030 từng bước làm chủ một số công nghệ mật mã cốt lõi, bao gồm thuật toán, giải pháp, hệ thống quản lý khóa và các thành phần bảo mật nền tảng. Tăng tỷ lệ sản phẩm mật mã dân sự do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước nghiên cứu, thiết kế và làm chủ công nghệ. Hình thành đội ngũ nhân sự có trình độ cao trong lĩnh vực mật mã dân sự, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn. Ưu tiên phát triển các sản phẩm mật

mã “Make in Vietnam” đáp ứng yêu cầu sử dụng trong các hệ thống thông tin quan trọng, giảm dần phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài.

Tăng số lượng và nâng cao năng lực của doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia nghiên cứu, phát triển và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. Thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế liên kết Nhà nước - Nhà trường (Viện nghiên cứu) - Doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm.

Hình thành 10 - 15 doanh nghiệp có năng lực cung cấp sản phẩm

Đồng thời, mở rộng ứng dụng sản phẩm mật mã dân sự nội địa trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng. Tăng trưởng ổn định thị trường sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Tham gia đóng góp, đề xuất hoặc đồng chủ trì xây dựng tối thiểu 01 tiêu chuẩn, khuyến nghị kỹ thuật quốc tế liên quan đến mật mã dân sự.

Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ sản phẩm mật mã dân sự nội địa được sử dụng trong các hệ thống thông tin quan trọng đạt tối thiểu 20 - 30% vào năm 2030. Tối thiểu 50 - 70 sản phẩm mật mã dân sự “Make in Vietnam” được nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa.

Hình thành 10 - 15 doanh nghiệp có năng lực cung cấp sản phẩm, giải pháp mật mã dân sự cung cấp cho thị trường. Tỷ lệ giảm phụ thuộc vào sản phẩm, công nghệ mật mã nhập khẩu trong một số lĩnh vực trọng điểm đạt 20 - 30%. Tối thiểu 03 - 05 phòng thử nghiệm đạt chuẩn quốc gia, từng bước tiệm cận chuẩn quốc tế.

Đến năm 2035, đào tạo và phát triển ít nhất 5.000 chuyên gia, kỹ sư chất lượng cao chuyên sâu về mật mã

Định hướng đến năm 2035, đào tạo và phát triển ít nhất 5.000 chuyên gia, kỹ sư chất lượng cao chuyên sâu về mật mã, an toàn thông tin và vi mạch mật mã. Có ít nhất 20% nhân sự trong ngành sở hữu các chứng chỉ bảo mật và mật mã được công nhận toàn cầu (như CISSP, CISM, hoặc các chứng chỉ chuyên sâu về bảo mật, an toàn thông tin). Đưa chuyên ngành bảo mật, an toàn thông tin vào giảng dạy chính thức tại các trường đại học kỹ thuật trọng điểm. Hình thành ít nhất 3-5 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về nghiên cứu mật mã ứng dụng và mật mã hậu lượng tử (PQC).

Đề án đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện như: Hoàn thiện hành lang pháp lý, đẩy mạnh triển khai cơ chế, chính sách; phát triển năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi; tổ chức, xây dựng hạ tầng thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp; phát triển thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm mật mã dân sự “Make in Vietnam”; phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái; truyền thông, phổ biến chính sách, nâng cao nhận thức và sơ kết, tổng kết; bảo đảm nguồn lực triển khai Đề án.

Phát triển năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi

Để phát triển năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi, Đề án tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển trọng điểm: thuật toán và giao thức mật mã; hệ thống quản lý khóa và hạ tầng khóa công khai; mô-đun phần cứng bảo mật và thành phần bảo mật nền tảng; các công nghệ mật mã thế hệ mới (PQC, QKD) theo định hướng phát triển dài hạn.

Thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển; tham gia hoặc đề xuất Việt Nam tham gia các thỏa thuận quốc tế về thừa nhận, công nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự và trao đổi hợp tác quốc tế về mật mã dân sự.

Thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm mật mã dân sự “Make in Vietnam”

Thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm mật mã dân sự “Make in Vietnam” bằng cách thiết lập và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) ứng dụng mật mã dân sự theo ngành, lĩnh vực; công bố danh mục bài toán thực tiễn để doanh nghiệp tham gia (danh mục bài toán, nhu cầu ứng dụng, báo cáo kết quả, phương án nhân rộng).

Đẩy mạnh sử dụng sản phẩm mật mã dân sự nội địa đã được kiểm định, đánh giá đạt yêu cầu trong các hệ thống thông tin quan trọng (lộ trình bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn mật mã quốc gia do Ban Cơ yếu Chính phủ nghiên cứu, phát triển, làm chủ; tích hợp vào sản phẩm mật mã dân sự nội địa trong các hệ thống thông tin trọng yếu).

Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuẩn hóa sản phẩm, hoàn thiện tài liệu kỹ thuật và xúc tiến thương mại; thúc đẩy chuyển giao công nghệ sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự...

Nguồn: baochinhpvu.vn

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO VỀ CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công vừa ký Quyết định số 68/QĐ-BCĐCCTLBHXH ngày 07/7/2026 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo này.

Quy chế này quy định nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và quyền hạn, chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công (Ban Chỉ đạo).

Nguyên tắc làm việc của Ban Chỉ đạo

Quy chế nêu rõ: Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và phát huy trí tuệ tập thể của các thành viên; bảo đảm yêu cầu phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và trao đổi thông tin giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thành viên được pháp luật quy định; ứng dụng công nghệ số, phương thức làm việc trên môi trường điện tử (trừ nội dung Mật).

Các thành viên Ban Chỉ đạo đề cao trách nhiệm cá nhân trong hoạt động của Ban Chỉ đạo và trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; giải quyết công việc theo đúng thẩm

quyền và trách nhiệm được giao, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.

Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo; thực hiện và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ được phân công.

Trưởng Ban Chỉ đạo lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban Chỉ đạo

Theo Quy chế, Trưởng Ban Chỉ đạo lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo; triệu tập, chủ trì các cuộc họp định kỳ, đột xuất và các hội nghị của Ban Chỉ đạo. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về các hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Trong trường hợp cần thiết, uỷ quyền cho Phó Trưởng Ban Chỉ đạo giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Bên cạnh đó, Quy chế cũng quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và các Ủy viên.

Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo

Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ tập thể thông qua các cuộc họp do Trưởng ban hoặc các Phó Trưởng ban triệu tập, thảo luận tập thể và theo kết luận của Trưởng ban về nội dung nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công. Kết luận của Trưởng ban tại các cuộc họp được thể hiện dưới hình thức thông báo của Văn phòng Chính phủ.

Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp của Ban Chỉ đạo (trường hợp thành viên Ban Chỉ đạo phải tham gia các cuộc họp/cuộc làm việc khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền thì có thể phân công Lãnh đạo khác dự họp thay); đóng góp ý kiến trực tiếp tại phiên họp Ban Chỉ đạo hoặc trả lời các văn bản lấy ý kiến do Ban Chỉ đạo gửi đến trên môi trường điện tử đối với những nội dung không Mật và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về nội dung, kết quả các nhiệm vụ được Trưởng ban phân công.

Các thành viên Ban Chỉ đạo được giao chủ trì các nhiệm vụ theo phân công của Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban xây dựng kế hoạch nghiên cứu, đăng ký thời gian trình và báo cáo tiến độ gửi Phó Trưởng ban thường trực để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

Các Bộ, cơ quan theo chức năng được phân công xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện các nội dung cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công có trách nhiệm báo cáo và xin ý kiến Ban Chỉ đạo về các văn bản này trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Ban Bí thư

- Chỉ định Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quốc hội nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 8 người:
 - + Ông Nguyễn Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội nhiệm kỳ 2025 - 2030, Tổng Kiểm toán Nhà nước.
 - + Ông Vũ Khắc Định, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quốc hội nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quốc hội nhiệm kỳ 2020 - 2025.
 - + Ông Đặng Đình Bảo, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quốc hội nhiệm kỳ 2020 - 2025.
 - + Ông Bùi Thanh Tùng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quốc hội nhiệm kỳ 2020 - 2025.
 - + Ông Hoàng Anh Công, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quốc hội nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân nguyện và Giám sát.
 - + Ông Trần Văn Lâm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Công tác đại biểu.
 - + Ông Trần Khánh Hòa, Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành Ib.
 - + Ông Nguyễn Quang Hưng, Chuyên viên chính Ban Tổ chức Đảng ủy Quốc hội.
- Chuẩn y ông Trần Ngọc Tuấn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Chuẩn y ông Trương Huy Tâm, Trưởng Phòng Nghiệp vụ II, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham gia Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Phê chuẩn bà Nguyễn Phạm Duy Trang, đại biểu Quốc hội chuyên trách tại Ủy ban Văn hóa và Xã hội, giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội khóa XVI.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Mạnh Cường, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội khóa XV, giữ chức Trợ lý ông Nguyễn Khắc Định, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.
- Bổ nhiệm ông Hà Văn Thắng, Trợ lý ông Vũ Hồng Thanh, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội khóa XV, giữ chức Trợ lý bà Nguyễn Thị Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.
- Bổ nhiệm ông Huỳnh Khắc Điệp, Thành ủy viên, Phó Trưởng Ban Nội chính Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, giữ chức Trợ lý ông Nguyễn Hồng Diên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Nguyễn Trọng Hiếu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh.

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Phúc giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

- Bổ nhiệm ông Võ Quốc Thắng giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ nhiệm ông Phan Thanh Hải giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.

- Bổ nhiệm ông Lâm Nhân giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ nhiệm ông Đinh Công Tuấn giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Huy Phương giữ chức Giám đốc Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

- Bổ nhiệm ông Bùi Như Lai giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Bổ nhiệm ông Phạm Huy Quang giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ nhiệm ông Ngô Tuấn Phong giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.

- Bổ nhiệm ông Ngô Việt Hùng giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Thành phố Hồ Chí Minh**

- Điều động, bổ nhiệm ông Trần Thanh Tịnh, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước khi hợp nhất), giữ chức Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điều động ông Nguyễn Thiên Vũ, Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước khi hợp nhất), và ông Trần Văn Út, Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương (trước khi hợp nhất) đến nhận công tác tại Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố Hồ Chí Minh để bố trí công tác theo quy định.

- Điều động, bổ nhiệm ông Trần Giàu, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố Hồ Chí Minh giữ chức Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Ba Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh gồm các ông Nguyễn Minh Khánh, Nguyễn Văn Trình và Nguyễn Công Danh được điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Thành phố Đà Nẵng**

- Phân công, giới thiệu bà Nguyễn Thị Thu Lan, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư Đảng ủy phường Tam Kỳ nhiệm kỳ 2025 - 2030, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường nhiệm kỳ 2026 - 2031 để hiệp thương cử giữ chức Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Phân công, điều động bà Trần Thị Kim Hoa, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Giám đốc Sở Nội vụ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Hải Châu nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 1 - Cẩm Lệ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Phân công, điều động ông Trần Chí Cường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2026 - 2031 tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Hội An nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 5 - Điện Bàn nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Phân công, điều động ông Đoàn Xuân Hiếu, Giám đốc Báo và Phát thanh, truyền hình Đà Nẵng tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Tam Kỳ nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 4 - Bàn Thạch nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Phân công, điều động ông Nguyễn Như Công, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Núi Thành nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 4 - Bàn Thạch nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Phân công, điều động bà Cao Thị Huyền Trân, Bí thư Đảng ủy phường Hải Châu nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường nhiệm kỳ 2026 - 2031 đến nhận công tác tại Ủy ban nhân dân Thành phố để bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Hoàng Sa và chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy (kiêm nhiệm).

- Phân công, điều động ông Nguyễn Đức Bình, Bí thư Đảng ủy phường Hội An, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường nhiệm kỳ 2026 - 2031 đến nhận công tác tại Ủy ban nhân dân Thành phố, giới thiệu, bổ nhiệm giữ chức Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động, chỉ định ông Trần Hải Vân, Phó Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Thu Bồn nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 5 - Điện Bàn nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động ông Văn Anh Tuấn, Bí thư Đảng ủy xã Núi Thành nhiệm kỳ 2025 - 2030, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 đến nhận công tác tại Bộ phận nghiên cứu chuyên đề, giúp việc của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

- Điều động, bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Kim Hoa, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy giữ chức Phó Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy.

- Điều động, chỉ định ông Đinh Thế Vinh, Phó Giám đốc Sở Xây dựng tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Tam Anh nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 2026 - 2031, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng.

- Điều động, chỉ định ông Đinh Văn Vũ, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Lãnh Ngọc nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lãnh Ngọc nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn